VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ CÔNG DUY

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN BỘ TƯ LỆNH VÙNG CẢNH SÁT BIỂN 1

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯƠNG

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trình bày trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác, các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2016

Người cam đoan

Lê Công Duy

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
ĐCS	Đảng Cộng sản
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc Hội
UBND	Ủy ban nhân dân
BQP	Bộ Quốc phòng
CSB	Cảnh sát biển
BTL	Bộ Tư lệnh
VBB	Vịnh Bắc Bộ
UNCLOS	Công ước luật biển năm 1982
DOC	Tuyên bố ứng xử các bên về Biển Đông năm 2002
KTVAHS	Khởi tố vụ án hình sự

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM 7

1.1. Khái quát về lực lượng cảnh sát biển Việt Nam 7

1.2. Tổ chức của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam 10

1.3. Hoạt động của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam 16

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam 20

1.5. Tổ chức và hoạt động của cảnh sát biển ở một số nước trên thế giới - giá trị tham khảo cho Việt Nam 24

Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ TƯ LỆNH VÙNG CẢNH SÁT BIỂN 1 29

2.1. Đặc điểm địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 29

2.2. Thực trạng tổ chức của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 32

2.3. Thực trạng hoạt động của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 36

2.4. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 50

Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN BỘ TƯ LỆNH VÙNG CẢNH SÁT BIỂN 1.. 58

3.1. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 58

3.2. Giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 61

KẾT LUẬN 79

TÀI LIỆU THAM KHẢO 81

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

"Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời" [Điều 1 - Hiến pháp 2013]

Vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta rộng trên 1 triệu km2, gấp 3 lần diện tích đất liền; có bờ biển dài 3.260 km. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển có vai trò, vị trí rất quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của nước ta. Thực tiễn sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiềm lực kinh tế biển của đất nước ta đã không ngừng lớn mạnh, phát triển với tốc độ khá nhanh và đã có những đóng góp quan trọng vào nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghị quyết Trung ương 4 khoá X của Đảng về chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 đã xác định phải *"Phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển"*.

Bảo đảm thực hiện chiến lược biển Việt Nam nói chung và quản lý biển, đảo nói riêng là một nhiệm vụ hết sức nặng nề và khó khăn đối với các cơ quan quản lý biển, đảo trong đó có lực lượng Cảnh sát biển. Là lực lượng vũ trang nhân dân của nước CHXHCNVN, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, CSB Việt Nam là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCNVN. Với nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam, lực lượng CSB Việt Nam luôn phải thể hiện rõ vị trí, vai trò của mình trong công cuộc giữ vững chủ quyền biển, đảo, giữ vững an ninh, trật tự an toàn

trên biển, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm hành chính trên biển nói riêng, xử lý kịp thời, nhanh chóng những hành vi vi phạm pháp luật trên biển.

Với địa bàn các vùng biển rộng, để thực hiện nhiệm vụ thực thi pháp luật trên biển, CSB Việt Nam được tổ chức thành 4 Vùng. Trong đó Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng. Đây là vùng biển trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế biển của cả nước.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 luôn chủ động, sáng tạo trong nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật trên biển. Tuy nhiên trong thời gian qua xuất hiện những bất ổn về tình hình kinh tế - chính trị trên biển Đông, thu hút sự quan tâm chú ý của dư luận đồng thời tình hình vi phạm pháp luật trên biển diễn ra phức tạp, nhất là hoạt động của tàu, thuyền và phương tiện nước ngoài xâm phạm các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam. Trước yêu cầu của tình hình thực tế trong việc đấu tranh, phòng chống vi phạm pháp luật trên biển, việc nghiên cứu đưa ra những đánh giá một cách sâu sắc về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB nói chung và cụ thể là tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng là nhu cầu tất yếu về lý luận và thực tiễn.

Vì vậy, việc lựa chọn vấn đề "*Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1*" làm đề tài luận văn sẽ đáp ứng được phần nào những đòi hỏi cấp bách cả về phương diện lý luận và thực tiễn, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, phát huy vai trò của lực lượng CSB Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thời gian qua, những công trình nghiên cứu liên quan đến lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam dưới góc độ luật học cũng như các ngành khoa học khác còn rất hạn chế. Đặc biệt là việc nghiên cứu chuyên sâu cả về lý luận và thực tiễn về

tổ chức và hoạt động lực lượng CSB Việt Nam. Một số công trình nghiên cứu có thể liệt kê:

- *Kiểm tra, kiểm soát theo thẩm quyền Cảnh sát biển Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ luật học năm 2005 - Nguyễn Quốc Khánh, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội;

- *Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của cảnh sát biển Việt Nam,* Luận văn Thạc sĩ Luật học 2010 - Bùi Thị Kim Cúc, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội;

- *Thực hiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính của vùng Cảnh sát biển 1,* Luận văn Thạc sĩ Luật học 2013 - Phạm Văn Đồng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- *Xử lý vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Luận văn Thạc sỹ Quản lý công 2013 - Nguyễn Xuân Lâm, Học viện Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

- *Lực lượng Cảnh sát biển xây dựng bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu trong nhiệm vụ mới,* Bài viết của Trung tướng, PGS,TS. Hoàng Văn Đồng - Chính ủy Cảnh sát biển Việt Nam.

- *Xây dựng lực lượng Cảnh sát biển vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới,* Bài viết của Thiếu tướng, TS. Nguyễn Quang Đạm - Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu khoa học và những bài viết trên chủ yếu luận giải về một trong những thẩm quyền của CSB nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng. Những công trình nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam dưới góc độ luật học còn rất hạn chế.

Chính vì vậy đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu sâu cả về lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam nói chung cũng như BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng nhằm phát huy vai trò của lực lượng Cảnh sát biển trong quản lý nhà nước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của luận văn

Mục đích tổng quát của luận văn là xây dựng luận cứ khoa học cho các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam: phân tích khái niệm và đặc điểm tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB, những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB.

- Mô tả và đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1, xác định các ưu điểm và hạn chế, các nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế trong tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1. Trên cơ sở đó, phát hiện nhu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của BTL vùng cảnh sát biển 1 nói riêng và lực lượng cảnh sát biển Việt Nam nói chung.

- Xác định các quan điểm, đề xuất các giải pháp tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam từ thực tiễn BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng thành côngNhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Mô hình tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1

- Hệ thống các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức và hoạt động của Lực lượng cảnh sát biển Việt Nam.

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh biển ở một số quốc gia trên thế giới.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: BTL Vùng Cảnh sát biển 1 được xác định bao

gồm vùng biển và thềm lục địa mà BTL Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị

- Phạm vi về thời gian: số liệu chứng minh được sử dụng từ năm 2012 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta về chính sách phát triển lực lượng CSB Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp… để phân tích và làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Các phương pháp trên được sử dụng cụ thể trong luận văn như sau:

Phương pháp thống kê được sử dụng để thống kê số lượng nhân sự, các hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đánh giá, so sánh tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam với một số nước trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để giải quyết những vấn đề mang tính lý luận: phân tích khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam; đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Góp phần làm rõ hơn căn cứ lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam. Đề xuất và đưa ra những quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam

- Những kết luận và những giải pháp rút ra từ luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển lực lượng CSB

Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được chia làm 3 chương 11 tiết.

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Chương 2: Thực trạng tổ chức và hoạt động của Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

Chương 3: Quan điểm và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ tư lệnh Vùng CSB 1

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

1.1. Khái quát về lực lượng cảnh sát biển Việt Nam

1.1.1. Khái niệm lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Khi nhắc tới Cảnh sát biển (Coast Guard) hầu như mọi người đều hiểu đó là lực lượng chính bảo vệ biển, đảm bảo an ninh và an toàn biển, lực lượng này có chức năng đảm bảo an ninh, an toàn biển, khác hẳn với hải quân (Navy) hay hải quân đánh bộ (Marine) là lực lượng quân sự có chức năng chiến đấu.

Một số cách hiểu khác cho rằng, lực lượng Cảnh sát biển giống như công an nhân dân nhưng khác là địa bàn hoạt động ở trên biển, nhiệm vụ chính là thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm, ngăn chặn và trấn áp tội phạm xảy ra trên biển.

Một số cách hiểu khác lại đánh đồng lực lượng Cảnh sát biển với lực lượng Hải quân, vì cho rằng Cảnh sát biển là lực lượng vũ trang nhân dân, được trang bị tàu thuyền, vũ khí, khí tài quân sự để thực hiện nhiệm vụ chính là bảo vệ vùng biển, các đảo, hải đảo và thềm lục địa của tổ quốc.

Những cách hiểu trên đều không đúng và không phản ánh đúng bản chất của lực lượng Cảnh sát biển. Chính vì vậy cần đưa ra một khái niệm cụ thể và khoa học về lực lượng Cảnh sát biển, theo đó:

Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chuyên trách của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Một là, lực lượng CSB Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ.

Hai là, lực lượng CSB Việt Nam hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCNVN Việt Nam.

Ba là, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng CSB Việt Nam thực hiện nhiệm vụ; được Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật khi có yêu cầu và được hưởng các chính sách theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Vai trò của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Thuật ngữ "vai trò" theo Đại từ điển tiếng Việt có nghĩa là "chức năng, tác dụng của cái gì hoặc của ai trong sự vận động, phát triển của nhóm tập thể nói chung" [18, tr.1788]. Hoặc theo Từ điển tiếng Việt của Nhà xuất bản Văn hóa thông tin thì "vai trò" có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là cách hành động, ăn ở cư xử trong cuộc sống bình thường hay trong một hoàn cảnh nào đó của một người. Nghĩa thứ hai là nói về mặt tác dụng, ảnh hưởng của một phần việc, một hành động của một người, cơ quan, tổ chức… [18, tr.901]

Để xem xét vai trò của lực lượng CSB, cần xuất phát chính từ vai trò của biển, đảo với sự phát triển của kinh tế, xã hội và an ninh, quốc phòng của Việt Nam đồng thời nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển của lực lượng CSB. Với đường bờ biển dài 3.260km và vùng thềm lục địa rộng gần 1 triệu km^2 bao gồm hơn 3.000 hòn đảo, trong đó có hai quần đảo lớn Hoàng Sa - Trường Sa, biển Việt Nam có giá trị kinh tế rất cao, là nguồn sống của 4 triệu ngư dân (có 1,3 triệu ngư dân đánh bắt xa bờ) ở 28 tỉnh thành trong cả nước. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biển có vị trí, vai trò rất quan trọng, gắn bó mật thiết và ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của nước ta. Sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiềm lực kinh tế biển của đất nước ta đã không ngừng lớn mạnh, phát triển với tốc độ khá nhanh và đã có những đóng góp quan trọng vào nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận ra tầm quan trọng của kinh tế biển và các vấn đề phức tạp trong công tác bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, bảo vệ tài nguyên biển quốc gia.

Tiếp tục phát huy các tiềm năng của biển trong thế kỷ XXI, Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 "Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020", trong đó nhấn mạnh "Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương". Một trong

những quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết là: Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường, kết hợp giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Có thể khái quát vai trò của lực lượng CSB ở những nội dung sau:

Thứ nhất, lực lượng CSB góp phần bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc, khu vực châu Á -Thái Bình Dương trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn là khu vực phát triển năng động nhưng tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định, tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng phức tạp. Do đó, nhiệm vụ của lực lượng CSB Việt Nam ngày càng nặng nề và khó khăn, là một trong những lực lượng đầu tiên có mặt để ngăn chặn tham vọng bành trướng của nước láng giềng về biển đảo cũng như các hoạt động kinh tế trên biển.

Thứ hai, với chức năng là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lực lượng CSB đã chủ trì thực hiện, thường xuyên phối hợp với các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, tham gia quản lý, giám sát hoạt động nghề cá trong các vùng nước Hiệp định ở Vịnh Bắc Bộ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần duy trì nghiêm trật tự, an toàn, an ninh trên biển, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân làm ăn sinh sống và hoạt động trên biển, thềm lục địa của Tổ quốc.

Thực tế hiện nay, bên cạnh những nguồn lợi to lớn mà biển mang lại cho nhiều quốc gia, biển cũng đang đối mặt với những thách thức về hòa bình và ổn định như: tranh chấp lãnh thổ, ô nhiễm môi trường biển, cướp biển, khủng bố, buôn người, biến đổi khí hậu làm nước biển dâng cao, sóng thần…

Cùng với các lực lượng, Hải quân, Biên phòng, Kiểm ngư, CSB là những người ngày đêm canh giữ biển trời của Tổ quốc. Vai trò của CSB ngày một lớn mạnh bởi hơn ai hết, không chỉ là lực lượng thực thi luật pháp quốc gia trên biển.

mà còn giữ vững an ninh trật tự, an toàn hàng hải, trấn áp và đấu tranh có hiệu quả với các loại vi phạm, tội phạm trên các vùng biển, góp phần tích cực vào công tác tìm kiếm cứu nạn, đối ngoại quốc phòng, tăng cường hợp tác quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế của đất nước.

Thứ ba, lực lượng CSB đại diện cho quốc gia Việt Nam thực hiện quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia khác trên các lĩnh vực như: đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của lực lượng CSB các quốc gia trên thế giới; phòng, chống ô nhiễm môi trường biển….

1.2. Tổ chức của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam

Thuật ngữ "Tổ chức" được nhiều ngành khoa học sử dụng cũng có những cách tiếp cận, cắt nghĩa khác nhau về "tổ chức", như:

Tổ chức theo từ gốc Hy Lạp ''Organon'' nghĩa là ''hài hòa'', từ tổ chức nói lên một quan điểm rất tổng quát "đó là cái đem lại bản chất thích nghi với sự sống".

Trong Đại từ điển Tiếng Việt (1998), tổ chức được định nghĩa là *"sắp xếp, bố trí thành các bộ phận để cùng thực hiện một nhiệm vụ hoặc cùng một chức năng chung".* [18; tr.1662]

Trong Từ điển Pháp - Việt (1992), định nghĩa tổ chức là "*một hệ thống gồm nhiều phân hệ có những mối quan hệ hữu cơ hợp lý, rõ ràng, hợp tác và phối hợp chặt chẽ, tác động lẫn nhau trong một tổng thể, phát sinh một lực tổng hợp tác động cùng chiều lên một đối tượng nhằm đạt những mục tiêu chung đã định"* [19, tr.208].

Như vậy, hiểu một cách chung nhất thì "*tổ chức*" là một tập hợp gồm từ hai người trở lên kết hợp với nhau theo một cách thức nhất định nhằm thực hiện một hay nhiều mục tiêu chung.

Thuật ngữ "Tổ chức" được nhiều ngành khoa học sử dụng cũng có những cách tiếp cận, cắt nghĩa khác nhau về "tổ chức", như:

Theo lý thuyết quản lý công, để hình thành tổ chức phải có từ hai người trở lên (điều kiện về chủ thể) và các hoạt động của họ được kết hợp với nhau một

cách có ý thức. Quản lý công nhấn mạnh đến hai yếu tố là chủ thể và nguyên tắc hoạt động của tổ chức (sự kết hợp có ý thức của các chủ thể) khi nhận thức về khái niệm tổ chức [5, tr.25].

Trong khoa học luật dân sự gọi tổ chức là pháp nhân để phân biệt với thể nhân (con người) là các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự. Theo quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau: được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập. Luật học nhấn mạnh đến các điều kiện thành lập tổ chức và các yêu cầu đảm bảo hoạt động của tổ chức.

Khoa học tổ chức và quản lý định nghĩa tổ chức với ý nghĩa hẹp là "tập thể của con người tập hợp nhau lại để thực hiện một nhiệm vụ chung hoặc nhằm đạt tới một mục tiêu xác định của tập thể đó" [12].

Trong tài liệu tham khảo, Giáo trình tổ chức nhân sự Hành chính nhà nước của Học viện Hành chính Quốc gia quan niệm: *"Tổ chức là một hệ thống tập hợp của hai hay nhiều người, có sự phối hợp một cách có ý thức, có phạm vi (lĩnh vực và chức năng hoạt động) tương đối rõ ràng; hoạt động nhằm đạt một hoặc nhiều mục tiêu chung"* [13, tr.9].

Quan niệm về tổ chức theo khoa học tổ chức và quản lý có nhiều điểm tương đồng với Luật học ở chỗ đều xác định tổ chức thuộc về con người, là của con người trong xã hội; vì là tổ chức của con người, có các hoạt động chung do vậy mục tiêu của tổ chức là một trong những điều kiện quan trọng, không thể thiếu của tổ chức.

Tổng hợp từ những khái niệm khác nhau về tổ chức, chúng ta có thể hiểu bản chất của tổ chức là thiết kế một cấu trúc tổ chức hiệu quả nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản trị đạt được mục tiêu của nó. Tổ chức thường được hiểu như là tập hợp của hai hay nhiều người cùng hoạt động trong những hình thái cơ cấu nhất định để đạt được những mục đích chung.

Từ sự phân tích trên có thể hiểu: *Tổ chức là việc thiết lập và duy trì các bộ phận, chức vụ trong một cơ quan và liên kết các bộ phận, chức vụ này với nhau để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó.*

Tổ chức CSB là một thiết chế trong bộ máy Nhà nước. Để hoạt động của lực lượng CSB được vận hành một cách khoa học, ổn định và đạt hiệu quả cao, cần thiết kế tổ chức, bộ máy theo đúng các nguyên tắc về tổ chức với các bộ phận, chức vụ được liên kết với nhau một cách chặt chẽ theo một mục tiêu nhất định. Theo Điều 2 Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam năm 2008: *"Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động*".

Như vậy, có thể hiểu: *Tổ chức Cảnh sát biển là lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động. Đây là một thiết chế của nhà nước bao gồm việc thiết lập và duy trì các bộ phận, chức vụ và liên kết các bộ phận, chức vụ này với nhau để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển.*

Trên cơ sở quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đã thể chế hóa thông qua các văn bản pháp luật. Một trong số đó là tiến hành xây dựng, củng cố lực lượng CSB Việt Nam. Ngày 28/03/1998, Uỷ ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Lực lượng CSB Việt Nam đánh dấu sự ra đời của lực lượng CSB Việt Nam. Thực hiện Pháp lệnh trên, ngày 21/7/1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/1998/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Lực lượng CSB Việt Nam. Ngày 28/8/1998, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 1069/QĐ-BQP thành lập lực lượng CSB và giao cho Tư lệnh Hải quân giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ huy, điều hành hoạt động của lực lượng CSB.

Khi mới thành lập Cục CSB là Cục Nghiệp vụ, trực thuộc BTL Hải quân, biên chế tổ chức còn đơn giản, quân số ít ỏi, trang bị phương tiện còn thô sơ, lạc hậu. Về mối quan hệ, Cục CSB không trực tiếp chỉ huy, lãnh đạo các Vùng CSB

mà chỉ thực hiện chức năng hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ. Cơ quan Cục cũng như các Vùng, Hải đội tàu chưa có vị trí đóng quân, cầu cảng mà phải ở, làm việc và neo đậu tàu thuyền trong khuôn viên doanh trại, cầu cảng của các đơn vị quân chủng Hải quân.

Bước ngoặt mang tính quyết định cho sự phát triển của lực lượng CSB là vào năm 2002, khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 677/2002/QĐ-TTg phê duyệt dự án xây dựng Lực lượng CSB giai đoạn 2001 - 2010, đồng thời Bộ Quốc phòng quyết định điều chuyển các Vùng CSB từ các Vùng Hải quân về trực thuộc Cục CSB Việt Nam. Có thể khẳng định dự án xây dựng CSB chính là xương sống bảo đảm cho xây dựng phát triển lực lượng CSB một cách toàn diện, đúng hướng và vững chắc. Đặc biệt sau khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều chuyển Cục CSB từ Quân chủng Hải quân về trực thuộc Bộ Quốc phòng, lực lượng CSB đã có sự phát triển vượt bậc cả về chiều rộng và chiều sâu.

Nội hàm quan niệm tổ chức CSB Việt Nam được xác định cụ thể trong các văn bản pháp luật cũng như dưới góc độ khoa học bao gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức Cảnh sát biển

Theo Điều 5 Nghị định 86/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam 2008, hệ thống tổ chức của lực lượng CSB Việt Nam bao gồm:

1. Cơ quan Cục Cảnh sát biển (nay là Bộ tư lệnh Cảnh sát biển)

2. Đơn vị trực thuộc Bộ tư lệnh Cảnh sát biển gồm:

a) Vùng Cảnh sát biển (nay là Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển). Trong cơ cấu của BTL Vùng Cảnh sát biển có các Phòng, Ban, Hải đội, Trạm cảnh sát biển, Đội trinh sát và Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;

b) Hải đoàn Cảnh sát biển;

c) Cụm trinh sát;

d) Cụm đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma tuý;

đ) Trung tâm thông tin Cảnh sát biển;

e) Trung tâm huấn luyện Cảnh sát biển".

Theo Nghị định 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ–CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

- Quy định rõ: "Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về quản lý nhà nước đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam." Chính vì thế đặc thù về tổ chức của lực lượng Cảnh sát biển tuân thủ theo các quy định của lực lượng vũ trang.

- Thay đổi cụm từ "Cục Cảnh sát biển" thành "Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển". Thay đổi cụm từ "Vietnam Marine Police" thành "Vietnam Coast Guard". Thay đổi cụm từ "Cục trưởng Cục Cảnh sát biển" thành "Tư lệnh Cảnh sát biển".

- Sửa đổi quy định về BTL Cảnh sát biển, xác định**:** "Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu có hình quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội; kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và được ghi riêng một mục trong tổng kinh phí hoạt động của Bộ Quốc phòng. Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy và các Phó Tư lệnh Cảnh sát biển do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng BQP.

Căn cứ vào những sửa đổi trong Nghị định 96/2013/NĐ-CP, ngày 10/9/2014, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định về việc đổi tên các Vùng Cảnh sát biển vùng 1, 2, 3, 4 thành Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1, 2, 3, 4.

Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng.

Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị đến Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Quảng Nam.

Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định đến bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh, có trụ sở tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh đến Hà Tiên tỉnh Kiên Giang, có trụ sở tại tỉnh Cà Mau.

Thứ hai, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Cảnh sát biển

Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam 2008 quy định, lực lượng CSB "*thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"*. Căn cứ vào chức năng đó, CSB có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần thiết, nắm vững các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCNVN Việt Nam là thành viên, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác của mình để gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Cảnh sát biển Việt Nam có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát để bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn; bảo vệ tài nguyên, phòng chống ô nhiễm môi trường; phát hiện ngăn chặn, đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.

- Hợp tác quốc tế để giữ gìn an ninh, trật tự, hòa bình và ổn định trên các vùng biển.

- Thu thập, tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời và thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan theo quy định của pháp luật; tham gia tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố trên biển và thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. - Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân hoạt động trên biển, phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng, tài sản của người dân và phương tiện hoạt động hợp pháp trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.

Ngoài ra, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2009, luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật hình sự 1999; pháp lệnh Số: 09/2009/UBTVQH12

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Cảnh sát biển có quyền hạn điều tra ban đầu, cụ thể:

Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lai lịch người phạm tội rõ ràng thì ra quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trưng cầu giám định khi cần thiết, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án;

Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án; Áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ ba, mối quan hệ công tác giữa cơ quan, đơn vị trong Bộ tư lệnh Cảnh sát biển và với đơn vị bên ngoài

Theo Quyết định số 1361/QĐ-CSB ngày 29/5/2013 của Cục trưởng Cục cảnh sát biển quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của cơ quan, đơn vị trong Cục cảnh sát biển*:* Quan hệ của các ban, đội thuộc phòng, cụm trực thuộc Cục cảnh sát biển (nay là BTL Cảnh sát biển) với cấp ủy, chỉ huy phòng, cụm là quan hệ phục tùng lãnh đạo, chỉ huy.

Quan hệ giữa các ban, đội thuộc phòng, cụm trực thuộc Cục cảnh sát biển (nay là BTL Cảnh sát biển) là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị thuộc BTL Cảnh sát biển với các cơ quan đơn vị trong và ngoài Quân đội là quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, quy định về cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển

Lực lượng CSB Việt Nam bao gồm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng và công nhân quốc phòng. Việc bổ

nhiệm, cách chức, giáng chức; phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm đối với cán bộ, chiến sĩ CSB Việt Nam được thực hiện như sau:

1. Đối với sĩ quan thực hiện theo Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

2. Đối với quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ thực hiện theo Luật nghĩa vụ quân sự;

3. Đối với công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.3. Hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Trong Từ điển Tiếng Việt (2010) định nghĩa hoạt động là *"tiến hành những việc làm có quan hệ với nhau chặt chẽ nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội",* hoặc *"thực hiện một chức năng nào đó trong một chỉnh thể".* [20, tr.586]

Theo Điều 1 Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam 2008: "Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng chuyên trách của Nhà nước, thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam".

Từ sự phân tích trên có thể hiểu: *"Hoạt động cảnh sát biển là hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm, tội phạm và hợp tác quốc tế của lực lượng cảnh sát biển nhằm đảm bảo an ninh, trật từ, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"*

Trên cơ sở quan niệm trên, có thể xác định một số đặc điểm hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam như sau:

Thứ nhất, phạm vi hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam

Đây là một trong những đặc điểm mang tính đặc thù của lực lượng CSB Việt Nam. Theo Điều 13 Nghị định 86/2009/ NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh lực lượng CSB 2008: "Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Theo quy định của luật biển Việt Nam 2013 và Công ước Luật biển Quốc tế 1982 các vùng biển được chia thành: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Ở mỗi vùng biển có địa vụ pháp lý khác nhau vì vậy giới hạn phạm vi hoạt động của CSB cũng có điểm khác biệt. Trong nội thủy, lãnh hải và vùng nước cảng biển của nước CHXHCN Việt Nam, lực lượng CSB Việt Nam có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên để bảo vệ chủ quyền; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn; bảo vệ tài nguyên, phòng, chống ô nhiễm môi trường; phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép và mua bán người, vận chuyển, mua bán trái phép hàng hoá, vũ khí, chất nổ, chất ma tuý, tiền chất và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Trong vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam, lực lượng CSB có nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên để bảo vệ quyền chủ quyền, quyền tài phán; bảo vệ tài nguyên, phòng, chống ô nhiễm môi trường; phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh chống các hành vi buôn lậu, cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền, vận chuyển trái phép và buôn bán người, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma tuý, tiền chất.

Thứ hai, nội dung hoạt động của CSB Việt Nam có thể khái quát ở hai lĩnh vực chính sau: 1/hoạt động thực thi pháp luật trên biển và 2/hoạt động hợp tác quốc tế.

Một là, hoạt động thực thi pháp luật trên biển

Lực lượng CSB chính là lực lượng chấp pháp trên biển, cụ thể: tiến hành công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm, tội phạm trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

Cá nhân, tổ chức và phương tiện hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam đều phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng CSB Việt Nam trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và chấp hành

pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

Từ những quy định của pháp luật cho thấy, hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam vô cùng phức tạp. Phải quản lý vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, nhiệm vụ của CSB Việt Nam hết sức nặng nề. Lực lượng CSB phải vừa thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền, vừa chống buôn lậu trên biển, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Trong vai trò bảo vệ chủ quyền biển đảo tổ quốc, CSB phải thường xuyên tiến hành chuyến tuần tra kiểm soát trên vùng biển Việt Nam, kiên quyết xử lý các hành động vi phạm chủ quyền của tàu nước ngoài. Đặc biệt, gần đây, các hoạt động vi phạm lãnh hải ngày càng gia tăng, nhiệm vụ của lực lượng CSB càng thêm nặng nề, phải thường xuyên túc trực, sẵn sàng nhổ neo tiến ra biển bảo vệ ngư dân, bảo vệ biển. Lực lượng CSB cũng phối hợp chặt chẽ với các lực lượng như Hải quân và một số lực lượng khác cùng thực hiện nhiệm vụ bảo chủ quyền tổ quốc, đặc biệt ở khu vực đang xảy ra các tranh chấp gay gắt những năm gần đây.

Một nội dung không kém phần quan trọng khác trong hoạt động mà lực lượng CSB Việt Nam phải tham gia là đấu tranh, chống buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy bằng đường biển. Bên cạnh hoạt động bảo đảm an ninh trật tự trên biển, CSB cũng là lực lượng nòng cốt làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển khi có tình huống khẩn cấp xảy ra. Với bà con ngư dân, CSB cũng "kiêm nhiệm" tuyên truyền vận động ngư dân nắm vững pháp luật, tôn trọng điều ước quốc tế để từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh chống sự xâm phạm lãnh hải của tàu thuyền nước ngoài.

Với hoạt động thực thi pháp luật trên biển, CSB có thẩm quyền như sau:

- Tiến hành hoạt động kiểm tra, kiểm soát, điều tra tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, pháp luật về tổ chức điều tra hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Nếu có hành vi vi phạm thì được xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, buộc người và phương tiện đó phải chấm dứt hành vi vi phạm, rời khỏi vùng nước đang hoạt động hoặc rời khỏi vùng biển Việt Nam;

- Bắt, giữ người và phương tiện phạm pháp quả tang, lập biên bản xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Trong trường hợp người và phương tiện vi phạm pháp luật không chịu tuân theo hiệu lệnh, chống đối hoặc cố tình bỏ chạy thì lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có quyền cưỡng chế, thực hiện quyền truy đuổi hoặc các quyền khác ví dụ như quyền nổ súng.

Hai là, hoạt động hợp tác quốc tế

Với đặc thù phạm vi hoạt động trong khu vực biên giới quốc gia trên biển, đại diện cho quốc gia Việt Nam trong việc tiếp xúc với cá nhân, tổ chức quốc gia khác. Chính vì thế Điều 15 Nghị định 86/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cảnh sát biển 2008 đã quy định những nội dung hợp tác quốc tế của CSB bao gồm:

1. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu, thuyền tại châu Á.

3. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh với các hoạt động xuất, nhập cảnh bất hợp pháp trên biển.

4. Hợp tác tuần tra, kiểm tra, giám sát về bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên từ biển.

5. Tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống ô nhiễm môi trường biển và ứng phó với sự cố môi trường biển.

6. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm ma tuý trên biển.

7. Các hoạt động hợp tác quốc tế khác có liên quan.

Cần lưu ý rằng, hoạt động hợp tác quốc tế ở đây được hiểu tất cả những hoạt động cảnh sát biển liên quan đến yếu tố nước ngoài ví dụ: cá nhân, tổ chức nước ngoài, hoặc địa bàn hoạt động ở ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam (vùng

tiếp giáp lãnh hải ra đến vùng biển quốc tế). Việc tiến hành hoạt động hợp tác quốc tế để góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, hoà bình, ổn định trên các vùng biển góp phần đảm bảo quyền lợi chung của tất cả các quốc gia trong việc tiến hành quản lý các vùng biển.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1.4.1. Yếu tố thể chế

Thể chế được hiểu là hệ thống các quy định do Nhà nước xác lập trong hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước và được Nhà nước sử dụng để điều chỉnh và tạo ra các hành vi và mối quan hệ giữa nhà nước với công dân, các tổ chức nhằm thiết lập trật tự kỷ cương xã hội.

Như vậy, về cơ bản quan niệm thể chế được hiểu theo hai cách sau đây:

Thứ nhất, thể chế có thể hiểu là những quy tắc, những quy định, những quy chế, những nội dung... được ban hành chính thức bằng văn bản hoặc không chính thức để điều chỉnh, can thiệp vào mọi mối quan hệ xã hội (chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội ...) nhằm bảo đảm cho những mối quan hệ đó phát triển theo những chủ đích đã định trước. Như vậy, thể chế hiểu theo cách này chỉ gồm các quy định luật lệ, quy tắc mà không bao hàm bản thân các tổ chức và thiết chế xã hội.

Thứ hai, thể chế bao gồm hai thành phần là cấu trúc và cơ chế, cụ thể bao gồm luật lệ (bao gồm các quy định, truyền thống, nguyên tắc, pháp luật và hiến pháp) và các tổ chức (các cơ quan chính phủ, công ty, tổ chức xã hội dân sự, cảnh sát, tòa án…).

Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn tiếp cận quan niệm "thể chế" theo cách thứ nhất, coi thể chế bao gồm các quy định pháp luật mà cụ thể là hệ thống các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các mặt tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước trên mọi mặt đời sống xã hội.

Tất cả tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước nói chung và tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB nói riêng đều dựa trên cơ sở quy định của văn bản pháp luật. Chính vì thế mọi thay đổi của quy định pháp luật đều dẫn đến

thay đổi trong tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam. Đặc biệt với đặc thù về phạm vi hoạt động của CSB, tổ chức và hoạt động lực lượng CSB Việt Nam còn chịu sự ảnh hưởng không chỉ các quy định pháp luật Việt Nam mà cả các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, hay nói cách khác là chịu sự ảnh hưởng của pháp luật quốc tế.

1.4.2. Yếu tố về chính trị

Yếu tố chính trị là toàn bộ các yếu tố tạo nên đời sống chính trị của xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, bao gồm môi trường chính trị, hệ thống các chuẩn mực chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của tổ chức chính trị cầm quyền và quá trình tổ chức thực hiện chúng; các quan hệ chính trị và ý thức chính trị; hoạt động của hệ thống chính trị; cùng với đó là nền dân chủ xã hội và bầu không khí chính trị.

Chính trị luôn giữ vai trò định hướng, chi phối toàn bộ các hoạt động trong xã hội. Ở Việt Nam, Theo Điều 4 Hiến pháp 2013 "Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Đồng thời tại Điều 2 Pháp lệnh lực lượng CSB năm 2008 quy định: *"Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ"*.

Vì thế những quy định về tổ chức và hoạt động của cảnh sát biển phải được đặt trong khuôn khổ các quan điểm và chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản lý lực lượng vũ trang nhân dân. Hay nói cách khác, quan điểm, đường lối chính trị của đất nước sẽ chi phối đến cách thức vận hành, tổ chức và hoạt động của CSB Việt Nam.

1.4.3. Yếu tố kinh tế

Yếu tố kinh tế hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổng thể các điều kiện về kinh tế với hệ thống các chính sách kinh tế, chính sách xã hội cũng như quá trình triển khai thực hiện, áp dụng chúng trong thực tế xã hội.

Bất kỳ hoạt động nào của Nhà nước đều phải đặt trong mối quan hệ với các quan hệ kinh tế, tổ chức và hoạt động CSB cũng chịu sự tác động trực tiếp của trình độ phát triển kinh tế của địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, trong mối quan hệ giữa kinh tế và nhà nước thì điều kiện kinh tế, các quan hệ kinh tế quyết định đến tổ chức và hoạt động của toàn bộ cơ quan trong bộ máy nhà nước. Tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB cũng không nằm ngoài quy luật đó. Bản thân hiện nay hoạt động của CSB có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo an toàn cho việc phát triển kinh tế biển như việc đánh bắt cá của ngư dân, khai thác dầu khí trên biển, chống buôn lậu, gian lận thương mại, các hành vi phạm và tội phạm trên biển… Vì vậy những hoạt động kinh tế trên biển ảnh hưởng rất lớn đến thiết lập mô hình, cách thức tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam.

1.4.4. Yếu tố con người

Con người là chủ thể của quá trình sản xuất, là chủ thể của các mối quan hệ trong xã hội và giữ vai trò quyết định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước nói chung cũng như từng lĩnh vực nói riêng. Chính vì vậy tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển cũng chịu sự tác động trực tiếp bởi yếu tố con người mà cụ thể là đội ngũ cán bộ, chiến sĩ cảnh sát biển - nhân tố hình thành nên tổ chức và trực tiếp tiến hành các hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Trình độ, năng lực cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển cũng như công tác tổ chức cán bộ là yếu tố ảnh không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam. Chỉ khi cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển - những người thực thi pháp luật nắm vững luật pháp, thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, xử lý nghiêm minh, công tâm, khách quan, không bị sa

ngã trước mọi cám dỗ, giữ vững lập trường, phẩm chất đạo đức thì tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam mới đảm bảo đúng quy định pháp luật .

Ngoài ra, hiểu theo nghĩa rộng hơn, con người ở đây có thể hiểu là cá nhân, tổ chức trong xã hội với tư cách là đối tượng quản lý của tổ chức Cảnh sát biển. Khi mà cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động trên các vùng biển thuộc phạm vi hoạt động của Cảnh sát biển có ý thức tuân thủ pháp luật thì tổ chức và hoạt động cảnh sát biển sẽ thuận lợi và ngược lại.

1.5. Tổ chức và hoạt động của cảnh sát biển ở một số nước trên thế giới - giá trị tham khảo cho Việt Nam

1.5.1. Tổ chức và hoạt động Cảnh sát biển Nhật Bản

Lực lượng Tuần duyên Nhật Bản (JCG) hay còn được gọi là Lực lượng Bảo vệ bờ biển/Cảnh sát biển Nhật Bản có nhiệm vụ bảo vệ và thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật trên các vùng biển thuộc chủ quyền Nhật Bản. Cảnh sát Biển Nhật Bản thuộc quản lý và điều hành của Quốc thổ giao thông tỉnh (Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông vận tải và Du lịch).

Nhiệm vụ của cảnh sát biển Nhật Bản: Bảo vệ an ninh hàng hải: Bắt tội phạm trên biển; Tìm kiếm và cứu nạn trên biển: Cứu và hỗ trợ tàu bị đắm, cháy; Tìm kiếm thông tin trên biển, Vẽ bản đồ về biển; Đo đạc vùng lãnh thổ, thềm lục địa; Bảo vệ vận tải trên biển.

Tổ chức: Tổng số nhân viên của Cảnh sát Biển gồm có 12636 người (số người này gần bằng số lượng cảnh sát ở tỉnh Akechi) với ngân sách là 175 tỷ 400 triệu yên (năm tài khoá 2011) [30; tr.85].

Văn phòng nội bộ của cảnh sát biển Nhật Bản gồm có 5 ban chính và 2 thanh tra trưởng.

- Ban Quản lý Cảnh sát biển
- Ban Trang bị kỹ thuật
- Ban Thông tin trên biển
- Ban Giao thông Vận tải biển
- Thanh tra trưởng (2 người)

Phân Vùng Cảnh sát biển

Cảnh sát Biển Nhật Bản được phân ra gồm 11 địa hạt.

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Cảnh_sát_Biển_Nhật_Bản.

1.5.2. Tổ chức và hoạt động cảnh sát biển Hàn Quốc

Cảnh sát biển Hàn Quốc là lực lượng an ninh chịu trách nhiệm về an toàn và kiểm soát ngoài khơi bờ biển Hàn Quốc. Trong thời bình, cảnh sát biển Hàn Quốc thuộc Bộ Hàng hải và Thủy sản. Gần đây, với việc biên giới liên tục có sự xuất hiện của tàu thuyền Trung Quốc, Cảnh sát biển Hàn Quốc đã triển khai một số lượng lớn các tàu lớn đến vùng biển Hoàng Hải.

Cơ quan Cảnh sát biển Hàn Quốc được thành lập vào ngày 23 tháng 12 năm 1953 tại Busan như là một phần của Cơ quan Cảnh sát quốc gia.Trong tháng 10 năm 1962, cơ sở mới được thành lập tại Incheon, Yeosu, Pohang và Kunsan. Vào tháng 2 năm 1963, các đơn vị hàng không của Cảnh sát biển Hàn Quốc đóng cửa, mặc dù nó mở cửa trở lại trong những năm 80. Kể từ năm 1980, đội tàu phục vụ đã được tăng cường đáng kể, và vào tháng 8 năm 1991, đơn vị đã được đổi tên thành Cơ quan Cảnh sát Hàng hải Quốc gia Hàn Quốc. Năm 2007, Cơ quan cảnh sát Hàng hải Quốc gia Hàn Quốc đã được hợp nhất trở thành cơ quan Cảnh sát biển. Trụ sở chính của Cảnh sát biển Hàn Quốc là tại Songdodong, Incheon. Ngoài ra, đơn vị cũng có hàng trăm trạm điều hành nhỏ dọc theo bờ biển của bán đảo Triều Tiên. Cảnh sát biển Hàn Quốc hoạt động được trang bị 4 lớp tàu lớn (trên 1.000 tấn), 3 lớp tàu trung bình (hơn 250 tấn), và 3 lớp tàu cao tốc (tàu cao tốc trên 30 tấn) cùng với tàu chữa cháy, sà lan, tàu trinh sát tốc độ cao, tàu tuần tra cao tốc. Các đơn vị hàng không của Cảnh sát biển Hàn Quốc gồm 6 thủy phi cơ và 16 máy bay trực thăng [29; tr.84].

Mục tiêu hoạt động của Cảnh sát biển Hàn Quốc:

- Phát triển và duy trì khả năng hoạt động để đảm bảo chủ quyền biển quốc gia.

- Được các quốc gia coi như giám hộ an ninh hàng hải.

- Trở thành cơ quan an ninh hàng hải quan trọng nhất trong khu vực Đông Bắc Á.

- Phát triển và nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu về tìm kiếm cứu nạn hàng hải trên toàn khu vực kiểm soát.

- Phát triển và cải thiện khả năng bảo vệ môi trường biển.

- Đáp ứng yêu cầu về các dịch vụ hành chính công cộng.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức và bộ máy hoạt động của cơ quan.

Nhiệm vụ chính: Tìm kiếm và Cứu hộ; Đảm bảo An ninh Hàng hải; Bảo vệ môi trường biển; Ngăn ngừa tội phạm Hàng hải quốc tế; Quản lý an toàn giao thông biển; Kiểm soát ô nhiễm biển.

Tổ chức: Cảnh sát biển Hàn Quốc được chia thành các hạm đội hoạt động bao gồm: Hạm đội Tuần tra; Hạm đội Phi cơ; Hạm đội Tìm kiếm Cứu hộ; Hạm đội Bảo vệ môi trường biển; Hạm đội Ngăn chặn tội phạm biển.

1.5.3. Tổ chức và hoạt động Cảnh sát biển Trung Quốc

Lực lượng Cảnh sát biển Trung Quốc là một bộ phận của Cục Quản lý Biên phòng, vốn là đơn vị trực thuộc tinh nhuệ của Lực lượng Cảnh sát vũ trang Nhân dân, thuộc Bộ Công An. Mô hình này có vẻ được sao chép từ Liên Xô, nước cũng từng thiết kế lực lượng biên phòng của mình như một nhánh độc lập và tinh nhuệ. Lực lượng Cảnh sat biển được coi là một trong "năm con rồng bảo vệ biển cả" của Trung Quốc - đó là năm đơn vị hình thành nên lực lượng chấp pháp trên biển của nước này với tổng cộng khoảng 40 ngàn quân. Hiện nay, theo nghiên cứu của Học viện Ninh Ba, Lực lượng Cảnh sát biển Trung Quốc có quân số 10,000 người – chiếm khoảng ¼ tổng số quân thuộc năm con rồng [15; tr.37]. Lực lượng Cảnh sát Biển Trung Quốc được trang bị chủ yếu là tàu cao tốc và tàu thủy loại nhỏ. Trên tàu thường được trang bị súng máy và pháo loại nhỏ. Cần nhấn mạnh rằng trong khi một số "con rồng" quan trọng khác không được vũ trang, việc lực lượng này được vũ trang đã dẫn đến một loạt rắc rối. Chủ lực của hạm đội Cảnh sát Biển hiện nay là chiếc tàu tuần tra cao tốc tên là Hải cẩu (海豹) HP1500-2. Những chiếc tàu nhỏ này có thể đạt tốc độ lên đến 52 hải lý, tầm hoạt động trong khoảng 250 km, và thủy thủ đoàn từ 6 đến 8 người. Những nhiệm vụ mà chúng đảm nhận bao gồm hộ tống, thăm dò trên biển, và tìm kiếm cứu nạn. Cano tiêu chuẩn mới của Cảnh sát Biển là Loại 218. Thiết kế này có chiều dài 41m, có sườn máy dài 6.2m, chuyên chở được 130 tấn; tốc độ tối đa lên đến 25 hải lý, thủy thủ đoàn gồm 23 người; và được trang

bị một đại liên 14,5 ly. Một cano tuần tra lớn loại 718 của Cảnh sát Biển đã được hạ thủy vào năm 2006. Nó có trọng tải 1,500 tấn, chiều dài 100m, có sân đậu trực thăng và có pháo 37 ly. Lực lượng Cảnh sát Biển gần đây cũng đã được sử dụng hai khu trục hạm loại *Jianghu* cũ của Hải quân Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA), sau khi hai tàu này đã được đại tu và đổi tên thành *Hải cảnh 1002* và *Hải cảnh 1003*.Hoạt động chính của Cảnh sát Biển là phòng chống tội phạm, nhưng gần đây còn bao gồm cả việc đấu tranh chống những đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố và nạn cướp biển[17; tr.83].

1.5.4. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Qua việc trình bày tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển của một số nước trên thế giới cho thấy vai trò của Cảnh sát biển Việt Nam hiện nay khá quan trọng. Khi mà hoạt động trên biển diễn ra giữa các quốc gia có biển cũng như không có biển rất đa dạng và phức tạp đòi hỏi phải có những lực lượng chuyên trách để bảo vệ an ninh biển, thực thi pháp luật cũng như tiến hành các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ môi trường biển, chống cướp biển… Cảnh sát biển là lực lượng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động chấp pháp trên biển. Vì thế các quốc gia đều có sự đầu tư khá lớn để đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển.

Về mặt tổ chức, đa phần các quốc gia đều quy định Cảnh sát biển là một tổ chức dân sự (trừ những quốc gia theo mô hình Liên Xô cũ như Trung Quốc vẫn xác định là lực lượng vũ trang). Hiện nay ở Việt Nam cũng có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề có nên từng bước chuyển thành lực lượng dân sự và trực thuộc cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban quốc gia về biển. Đồng nghĩa với việc đặt vấn đề tách lực lượng Cảnh sát biển khỏi Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên trước những diễn biến phức tạp và nhạy cảm như Biển Đông, thiết nghĩ Cảnh sát biển Việt Nam vẫn phải trực thuộc Bộ Quốc Phòng.

Về mặt hoạt động, trong thời bình các quốc gia đều coi Cảnh sát biển là tổ chức giữ vai trò quản lý an ninh, trật tự, an toàn hàng hải. Tuy nhiên khi có xung đột trên biển xảy ra giữa các quốc gia, Cảnh sát biển cũng là lực lượng giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ chủ quyền quốc gia. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động

các quốc gia đều có sự đầu tư lớn về trang thiết bị vũ khí và nhân lực cho lực lượng Cảnh sát biển. Vì vậy, Việt Nam cần học tập điểm này.

Kết luận chương 1

Ở chương 1, luận văn đã giải quyết những vấn đề sau:

Một là, đưa ra khái niệm khoa học về lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam và khái niệm về tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam, theo đó:

- Tổ chức CSB là lực lượng vũ trang nhân dân của nước CHXHCN Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động. Đây là một thiết chế của Nhà nước bao gồm việc thiết lập và duy trì các bộ phận, chức vụ và liên kết các bộ phận, chức vụ này với nhau để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CSB Việt Nam.

- Hoạt động CSB là hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phát hiện ngăn chặn, và xử lý vi phạm, tội phạm, và hợp tác quốc tế của lực lượng CSB Việt Nam nhằm đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam.

Hai là, trên cơ sở phân tích khái niệm, đặc điểm tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam, luận văn đã xác định được vai trò của tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam.

Ba là, khi phân tích tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB phải xem xét các yếu tố tác động đến lực lượng CSB. Trong phạm vi luận văn, tập chung nghiên cứu các yếu tố: thể chế, chính trị, kinh tế và con người.

Bốn là, luận văn nêu kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động Cảnh sát biển của một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Chương 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ TƯ LỆNH VÙNG CẢNH SÁT BIỂN 1

2.1. Đặc điểm địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Là một quốc gia ven biển, Việt Nam nằm trong số 10 nước trên thế giới có chỉ số cao nhất về chiều dài bờ biển, mở ra ba hướng Đông, Nam và Tây; có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, diện tích vượt quá 1 triệu km^2, lớn gấp 3 lần diện tích đất liền; có hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ, gần bờ và xa bờ, chạy suốt từ Vịnh Bắc Bộ tới Vịnh Thái Lan. Vị trí địa lý tự nhiên và tiềm năng kinh tế của vùng biển nước ta có tầm quan trọng chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Điều 7 Nghị định 86/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cảnh sát biển 2008 quy định: "Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng".

Như vậy căn cứ theo điều 7 Nghị định 86/2009/NĐ-CP, ranh giới BTL Vùng CSB 1 được xác định từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có đường biên giới quốc gia trên biển chung với Trung Quốc, có nhiều đảo, bở biển dài. Vịnh Bắc Bộ là vịnh nước mặn có bờ biển của hai nước Việt Nam và Trung Quốc bao bọc, Vịnh Bắc bộ có diện tích khoảng 126.250 km^2 (36.000 hải lý vuông), có đường biên giới trên biển rõ ràng. Với diện tích khoảng 126.250 km², vịnh Bắc Bộ là nhánh tây bắc của Biển Đông và là một phần của Thái Bình Dương. Vịnh có hai cửa biển: eo biển Quỳnh Châu rộng 35,2 km giữa bán đảo Lôi Châu và Đảo Hải Nam thuộc Trung Quốc và cửa chính của vịnh được xác định là đường thẳng từ đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam và mũi Oanh Ca, Hải Nam, Trung Quốc, rộng 110 hải lý (khoảng 200 km). Trong phạm vị đó, Việt Nam có 763 km bờ vịnh, Trung Quốc có 695 km. Bờ biển phía Việt Nam dài khoảng 763 km, chạy qua 10 tỉnh, thành phố (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ

An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị). Bờ biển phía Trung Quốc dài khoảng 695 km, chạy qua 2 tỉnh Quảng Tây và Hải Nam.

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế, quốc phòng và an ninh

Vịnh Bắc Bộ là vùng biển có mật độ tàu thuyền qua lại lớn, đa dạng. Đây cũng là vùng biển chứa nhiều tài nguyên thiên nhiên, có nguồn lợi thủy sản dồi dào, đa dạng với trữ lượng lớn, trong đó có nhiều loài thủy hải sản có giá trị kinh tế cao, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh.

Ngày 25/12/2000 Việt Nam và Trung Quốc đã chính thức ký Hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ, hai bên đồng ý thiết lập một vùng đánh cá chung nằm dưới vĩ tuyến 20^0N có bề rộng 30,5 hải lý tính từ đường phân định ra hai bên. Vùng đánh cá chung có tổng diện tích là 33.500 km^2 chiếm 27,9% diện tích vịnh. Ngoài ra, hai bên cũng đồng ý có một vùng đệm cho tàu thuyền đánh cá loại nhỏ ở cửa sông Bắc Luân với bề rộng 3 hải lý tính từ đường phân định ra mỗi bên và chiều dài 10 hải lý. Thời hạn vùng đánh cá chung là 15 năm (12 năm chính thức và 3 năm gia hạn). Theo đó, cơ chế quản lý hoạt động Vùng đánh cá chung bảo đảm ba nguyên tắc lớn là: vùng đặc quyền kinh tế của nước nào thì nước đó có quyền kiểm tra, kiểm soát và xử lý các tàu cá được phép vào Vùng đánh cá chung; sản lượng và số lượng tàu thuyền được phép vào đánh cá chung là dựa trên nguyên tắc bình đẳng, căn cứ vào sản lượng được phép đánh bắt, được xác định thông qua kiểm tra định kỳ; mỗi bên đều có quyền liên doanh hợp tác đánh cá với bên thứ ba trong vùng đường kinh tế của mình. Hai bên thỏa thuận lập Ủy ban Liên hiệp nghề cá để xây dựng quy chế và thực hiện việc quản lý Vùng đánh cá chung.

Căn cứ vào Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký tại Bắc Kinh ngày 25//12/2000; để bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản, giữ gìn an ninh và trật tự hoạt động đánh bắt trong Vùng đánh cá chung, Ủy ban Liên hiệp nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt - Trung đã ban hành Quy định về bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong Vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ ngày 29/05/2004 tại Bắc Kinh - Trung Quốc.

Đây là vùng biển có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh. Tình hình an ninh, trật tự tại vùng biển này trong những năm qua cơ bản là ổn định. Tuy nhiên do vị trí nhạy cảm nên luôn tiềm ẩn những biến động phức tạp, diễn biến khó lường. Khi hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc có hiệu lực (từ 30/6/2004) thì hiện tượng tàu cá nước ngoài (chủ yếu là tàu cá Trung Quốc) xâm lấn ngư trường của ngư dân Việt Nam, hiện tượng đánh bắt trộm hải sản vẫn còn diễn ra. Tình trạng đánh bắt hải sản trái phép với các hình thức hủy hoại tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường vẫn diễn ra. Đặc biệt từ thời điểm Vùng dàn xếp quá độ hết hiệu lực, tàu cá Trung Quốc vẫn khai thác vùng này.

Bên cạnh đó, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới vẫn diễn ra phức tạp và được thực hiện dưới nhiều hình thức và mức độ tinh vi khác nhau. Các đối tượng lợi dụng kẽ hở của pháp luật và lực lượng chức năng thực thi pháp luật trên biển còn mỏng nên việc mua bán vận chuyển khoáng sản trái phép qua biên giới biển bằng các thủ đoạn tinh vi khác nhau. Khi bị lực lượng chức năng bắt giữ, các đối tượng vi phạm thường khai báo là hàng vận chuyển trong nước và đưa vào phía nam để tìm đầu mối tiêu thụ. Lợi dụng đường biển, các đối tượng vận chuyển pháo nổ, rượu ngoại, mỹ phẩm mang vào nội địa tiêu thụ.

Trước tình hình diễn biến phức tạp như vậy, BTL Vùng CSB 1 xác định địa bàn trọng điểm của tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và một số hành vi vi phạm trên biển tập trung ở một số tỉnh phia Đông Bắc là Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình...

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BTL Vùng CSB 1 phải hoạt động trên một vùng biển rộng lớn, luôn có những diễn biến phức tạp, khó lường, xuất hiện nhiều động thái mới và tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, nhất là trên các vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa, cửa Vịnh Bắc Bộ (ví dụ như sự kiện Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 trái phép trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam trong thời gian qua). Có thể nói tất cả những yếu tố trên đều ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức và hoạt động của BTL Vùng CSB 1. Hay nói cách khác tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam sẽ được

điều chỉnh căn cứ vào tình hình thực tiễn triển khai trên địa bàn. Ví dụ như khi tình hình biển Đông có những căng thẳng xung quanh việc đặt giàn khoa Hải Dương 981 trái phép, lực lượng CSB Việt Nam được tập trung rất nhiều nguồn lực để đảm bảo điều kiện cho quá trình hoạt động.

2.2. Thực trạng tổ chức của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

Ngày 28/3/1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam. Tháng 8/1998, lực lượng CSB được thành lập và đi vào hoạt động ngay sau đó. Sự ra đời của CSB Việt Nam đánh dấu sự hình thành một lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực thi pháp luật trên biển. Cảnh sát biển Việt Nam được xác định là lực lượng vũ trang của nước CHXHCN Việt Nam do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý, điều hành. Từ năm 1998 đến nay, Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một lần, bảo đảm không ngừng đáp ứng yêu cầu hoạt động của LL CSB trên biển. Bộ Quốc phòng cũng đã tham mưu với Chính phủ và trực tiếp ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm cho CSB Việt Nam có đầy đủ quyền hạn, phát huy được chức năng của mình trong quá trình hoạt động. Nhìn một cách tổng thể thì hệ thống văn bản đã ban hành bảo đảm khá đồng bộ, phù hợp với các quy định trong Pháp lệnh và các quy định về quy phạm pháp luật của Việt Nam.

Sau 18 năm, lực lượng CSB đã có những bước phát triển vượt bậc cả về quy mô tổ chức, lực lượng và khả năng hoạt động thực thi pháp luật trên biển. Từ lúc ban đầu là một đơn vị trực thuộc Quân chủng Hải quân, đến nay, lực lượng CSB Việt Nam đã phát triển thành Bộ Tư lệnh với các Cục chức năng và các đơn vị trực thuộc với cấp Bộ Tư lệnh Vùng CSB. Tên giao dịch quốc tế của lực lượng CSB Việt Nam được thay đổi từ Vietnam Marine Police thành Vietnam Coast Guard. Như vậy có thể thấy, lực lượng CSB Việt Nam đã có bước phát triển cả về bề rộng và chiều sâu, có hệ thống chỉ huy thống nhất từ trên xuống dưới. Về cơ sở vật chất, lực lượng CSB Việt Nam đã được Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng đầu tư và từng bước hiện đại hóa, bảo đảm cho CSB có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ thực thi pháp luật trên biển và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác.

2.2.1. Về cơ cấu bộ máy

Về tổ chức của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 trực thuộc BTL Cảnh sát biển Việt Nam theo Quyết định số 3558/QĐ-BQP ngày 10/9/2014 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng về việc đổi tên các Vùng Cảnh sát biển thành BTL Vùng Cảnh sát biển 1, 2, 3, 4. Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 (tiền thân là Vùng Cảnh sát biển 1 được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 1998) được xác định là cấp sư đoàn đặc thù, bao gồm Ban chỉ huy Bộ Tư lệnh Vùng và 13 đầu mối cơ quan, đơn vị trực thuộc (trong đó có 06 phòng, 05 ban, 02 đơn vị)

Cơ cấu tổ chức Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 bao gồm các phòng, ban sau:

Cấp Phòng thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

1. Phòng Tham mưu: có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 và tổ chức thực hiện công tác sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và tổ chức xây dựng lực lượng; là trung tâm hiệp đồng các lực lượng toàn Vùng trong thực hiện nhiệm vụ.

Phòng Tham mưu bao gồm các Ban: Ban Tác chiến, Ban Quân huấn, Ban Quân lực, Ban Thông tin, Ban Cơ yếu, Ban Hành chính

2. Phòng Chính trị có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 và thủ trưởng Phòng Chinh trị về công tác đảng, công tác chính trị trong BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Phòng Chính trị bao gồm: Ban Tổ chức, Ban Cán bộ, Ban Tuyên huấn, ban Bảo vệ an ninh, Ban dân vận, Ban chính sách và Ban thanh niên.

3. Phòng Hậu cần: có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về công tác hậu cần và tổ chức thực hiện công tác hậu cần trong toàn BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Phòng Hậu cần bao gồm các Ban trực thuộc: Ban Quân nhu, Ban xăng dầu, Ban Quân y, Ban Doanh trại, ban Tài chính.

4. Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về công tác kỹ thuật và thực hiện công tác kỹ thuật trong BTLVùng Cảnh sát biển 1.

Phòng Kỹ thuật bao gồm: Ban tàu thuyền, Ban Quân khí, Ban Khí tài điện tử, Ban Vật tư.

5. Phòng pháp luật: có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về công tác thực thi pháp luật trên biển.

Phòng pháp luật bao gồm các Đội nghiệp vụ là đơn vị có chức năng tham mưu cho thủ trưởng Phòng pháp luật và thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm trên biển.

6. Phòng Trinh sát có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 và tổ chức thực hiện công tác nắm tình hình địch, tình hình vi phạm, tội phạm xâm phạm về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn trên phạm vi vùng biển quản lý.

Phòng trinh sát bao gồm: Đội trinh sát chống vi phạm an ninh, Đội trinh sát chống buôn lậu, Đội trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ.

Cấp ban, trạm, trung tâm thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

1. Ban Phòng chống tội phạm ma túy: có chức năng tham mưu cho chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy trên vùng biển được phân công.

2. Ban Hàng hải, Cứu nạn và bảo vệ môi trường thuộc BTL Vùng Cảnh sát biển 1 có chức năng tham mưu cho chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 và tổ chức thực hiện công tác bảo đảm hàng hải, an ninh hàng hải, bản đồ, tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ môi trường và bảo đảm hóa học.

3. Ban phiên dịch: có chức năng tham mưu cho Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1về công tác đối ngoại quân sự, hợp tác quốc tế.

4. Trạm Cảnh sát biển có chức năng nắm tình hình an ninh, trật tự an toàn và thực thi pháp luật trong khu vực được phân công

5. Trung tâm Hàng hải, cứu nạn và bảo vệ môi trường có chức năng tham mưu cho Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng hải, cứu nạn và bảo vệ môi trường trên vùng biển thuộc phạm vi quản lý.

Hải đội Cảnh sát biển

Hải đội Cảnh sát biển là đơn vị trực thuộc BTL Vùng Cảnh sát biển 1 có chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 và

Phòng Tham mưu về sử dụng tàu, thuyền hoạt động thực thi pháp luật trên phạm vi quản lý được phân công.

1. Hải đội 101

2. Hải đội 102

2.2.2. Nhân sự của Bộ tư lệnh Vùng cảnh sát biển 1

Bảng 2.1. Tổng quân số BTL Vùng Cảnh sát biển 1 năm 2014 (số lượng người)

QUÂN SỐ	SĨ QUAN	QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP	CÔNG NHÂN VIÊN	HẠ SỸ QUAN	TỔNG
Theo quy định	207	261	14	147	629
Thực tế hiện có	179	455	3	90	709
So sánh	Thiếu 28	Thừa 174	Thiếu 11	Thiếu 57	Thừa 80

(Nguồn BTL Vùng Cảnh sát biển 1)

Căn cứ vào bảng biểu 2.1, cho thấy mặc dù tổng quân số thừa 80 người trong đó chủ yếu là đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp còn lực lượng sĩ quan và hạ sỹ quan đang thiếu.

Những năm tiếp theo nằm trong danh mục tài liệu mật không được phép công bố.

2.2.3. Các mối quan hệ tổ chức của Bộ Tư lệnh Vùng cảnh biển 1

Trong tổ chức của BTL Vùng Cảnh sát biển 1, từ Bộ Chỉ huy cho đến các đơn vị trực thuộc luôn có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau tạo thành một thể thống nhất để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong đó:

- Quan hệ của các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 với Đảng ủy, Chỉ huy BTL Vùng là quan hệ phục tùng lãnh đạo, chỉ huy.

- Quan hệ giữa các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển với nhau là mối quan hệ phối hợp công tác.

2.3. Thực trạng hoạt động của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

2.3.1. Hoạt động thực thi pháp luật trên biển

Hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần tích cực trong công cuộc giữ vững an ninh, trật tự, an toàn trên các vùng biển và thềm lục địa của tổ quốc.

Về xử lý vi phạm hành chính trên biển

Là lực lượng chuyên trách của nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển được giao phụ trách, quản lý, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 đã chủ trì thực hiện, thường xuyên phối hợp với các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kết quả đạt được trong thời gian qua của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 thể hiện như sau:

Năm 2012 (từ 16/11/2011 đến 15/11/2012), BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã tổ chức thực hiện nhiệm tuần tra, kiểm soát 33 lượt chuyến. Tổng kiểm tra, nhận bàn giao xử lý 428 tàu thuyền các loại, trong đó: Kiểm tra không xử lý 278 tàu, kiểm tra xử lý 150 tàu, Tổng tiền xử phạt vi phạm hành chính 1.606.000.000đ; tổng tiền bán thanh lý hàng hóa là 5.971.155.952đ.

Ngày 27/5/2012 Vùng Cảnh sát biển 1 đã phối hợp cùng với Phòng Trinh sát Cục Cảnh sát biển tiến hành kiểm tra hành chính Tàu Đông Anh 06. Qua kiểm tra, khám xét lực lượng đã phát hiện trên tàu cất giấu 10 thùng pháo và 03 thùng rượu Mao Đài có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc. Vùng Cảnh sát biển 1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án số 01/QĐKTVA – CSB ngày 28/5/2012 về tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới quy định tại điều 154 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vùng Cảnh sát biển 1 đã bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ án cùng tang vật, phương tiện của vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xác minh, điều tra vụ án theo thẩm quyền.

Ngày 19/6/2012 Vùng Cảnh sát biển 1 tiếp nhận từ Phòng Trinh sát Cục Cảnh sát biển tàu Hà Anh 02; đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ - KTVAHS vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, chuyển giao toàn bộ hồ sơ vụ án, tang vật phương tiện vi phạm, thuyền viên trên tàu cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Ninh tiếp tục điều tra vụ án theo thẩm quyền.

Ngày 9/8/2012 Vùng Cảnh sát biển 1 tiếp nhận bàn giao Tàu cá TB-90147-TS đã có hành vi vận chuyển pháp có nguồn gốc từ nước ngoài vào Việt Nam. Vùng Cảnh sát biển 1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án, chuyển toàn bộ vụ án cho Công an huyện Vân Đồng tỉnh Quảng Ninh tiếp tục điều tra thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Bên cạnh việc kiểm tra, kiểm soát xử lý vi phạm và tội phạm, Cảnh sát biển Vùng 1 thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh kinh tế biển. Năm 2012, Vùng Cảnh sát biển 1 cùng với biên đội Tàu 2005 đã thực hiện 04 lần chuyến trực tại hai lô dầu khí 111.4 và lô 113.5. Trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ 02 lô dầu khí trên đã thực hiện xua đuổi thành công 03 lượt tàu Trung Quốc vi phạm chủ quyền ra khỏi vùng biển Việt Nam. Với biên đội tàu 2007, Vùng Cảnh sát biển 1 đã thực hiện 02 đợt tàu bảo vệ tàu Bình Minh - 02, khảo sát tham dò Dầu khí tại lô 127. Trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, đã thực hiện xua đuổi thành công 08 tàu nước ngoài ra khỏi khu vực được bảo vệ.

Năm 2013 (từ 16/11/2012 đến 15/11/2013), BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tổ chức thực hiện 32 lượt chuyến tuần tra, kiểm soát: Kết quả kiểm tra, kiểm soát, tiếp nhận bàn giao, xác minh là 479 tàu. Trong đó xử phạt 373 tàu (3 tàu nước ngoài, 370 tàu Việt Nam); không xử phạt 102 tàu; xử lý phóng thích 03 tàu cá Trung Quốc.

Bàn giao cả tàu: 01 tàu QN-90059: ngày 19/12/2012, phân công 01 cán bộ tham gia tiếp nhận tàu QN-90059 TS do Phòng Trinh sát Cục CSB bàn giao, trên tàu vận chuyển 3.500.000 con chim bồ câu không có chứng từ hợp pháp. Đã hoàn chỉnh hồ sơ ban đầu, bàn giao cho Công an huyện Vân Đồn xử lý theo quy

định của pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Đồn đã bán số tang vật được 105.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Ngày 23/4/2013. TAND huyện Vân Đồn đã xét xử Vương Văn Nguyên (chủ hàng) 9 tháng tù giam và Phạm Thanh Bình (thuyền trưởng) 06 tháng tù (cho hưởng án treo).

Tiền xử phạt vi phạm hành chính trong tuần tra kiểm soát năm 2013 là: 1.584.800.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi tư triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).

Tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với các tàu có tịch thu hàng hóa vi phạm và gây tai nạn trên biển: 424.650.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tư triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số tiền xử phạt: 2.009.450.000 đồng (Hai tỷ không trăm linh chín triệu bốn trăm năm mươi đồng chẵn).

Trong năm 2013, Vùng cảnh sát biển 1 bắt giữ và tiếp nhận bàn giao theo dõi, xử lý các tàu và tịch thu hàng hóa 08 tàu: Trong đó có 04 tàu chở than QN-5859, QN-6328, QN-6496, TB-1711, 02 tàu chở dầu Quế Bắc-22198, HP-3440, các tàu này vận chuyển hàng hóa, khoáng sản, xăng dầu không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa, tịch thu 6.449,660 tấn than, 96.456 lít dầu DO, 106.111 lít dầu FO; phối hợp với cơ quan chức năng của chính quyền địa phương như Chi cục thuế huyện Cát Hải, Sở Tài chính TP Hải Phòng, UBND huyện Cát Hải - Hải Phòng, UBND huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh, UBND huyện Vân Đồn - Quảng Ninh, Sở tài chính Ninh Bình bán thanh lý hàng hóa bị tịch thu sung quỹ Nhà nước 6.534.034.700 đồng. Có 02 tàu quốc tịch Trung Quốc Fu Cheng -16 và Quế Bắc Ngư Vận - 35218 đã có hành vi khai báo gian dối vi phạm về lĩnh vực kinh doanh tạm nhập, tái xuất mặt hàng ngừng tạm nhập tái xuất. Vùng Cảnh sát biển 1 đã bàn giao 02 tàu này cho Chi Cục Hải quan Hải Phòng và Chi cục Hải Quan Vạn Gia - Quảng Ninh. (có phụ lục kèm theo)

So sánh kết quả với năm 2012:

Bảng 2.3.1.1. So sánh kết quả hoạt động của năm 2013 với năm 2012

Năm	Lượt chuyến	Tổng kiểm tra	Không xử lý	Xử lý	Tổng tiền	Tỷ lệ xử phạt
2012	33	428	278	150	1.606.000.000	35,04%
2013	32	479	102	377	2.009.450.000	78,70%

(Phụ lục 2013)

Phối hợp với lực lượng chức năng của Cục xử lý tàu vi phạm Hoàng Vũ 01 từ ngày 19/11/2012 đến 21/11/2012.

Từ ngày 13/12 đến 28/12/2012, phân công 03 cán bộ tham gia xử lý tàu QN-6328 chở 2.050,82 tấn than cám 7b không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính được 38.850.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với sở Tài chính Hải Phòng và UBND huyện Cát Hải bán số tài sản trên được 1.189.476.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 02/01 đến 07/01/2013, phân công 07 cán bộ tham gia xử lý tàu Hải Long 02 chở 283 tấn hàng hóa (bát đĩa, gạch men, xà phòng bánh, mặt kính bếp ga…) không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp từ Trung Quốc về Việt Nam.

Từ ngày 13/01/2013 đến ngày 18/01/2103, phân công 03 cán bộ tham gia xử lý tàu Trường Sơn 16 (QN-4073) chở 732,527 tấn bã xít không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính được 21.500.000 đồng.

Từ ngày 30/01/2013 đến ngày 03/02/2013, phân công 02 cán bộ xác minh, kết luận vụ tàu Biển Đông 189 va chạm gây tai nạn với tàu cá NA-93193TS; xử phạt vi phạm hành chính được 133.000.000 đồng.

Từ ngày 03/02/2013 đến ngày 06/02/2013, phân công 01 cán bộ tham gia đoàn công tác của Vùng xử lý tàu Quế Bắc 22198 (quốc tịch Trung Quốc) có hành vi vận chuyển xăng dầu trái phép qua biên giới (từ Việt Nam sang Trung Quốc), tịch thu 75.725 lít dầu diezen sung quỹ Nhà nước, phối hợp với UBND Nghi Xuân bán số tài sản trên được 1.287.325.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Từ ngày 22/02 đến 04/3/2013, phân công 03 cán bộ tham gia xử lý tàu QN-5859 chở 1.756,77 tấn than cám 7B không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính được 22.850.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với Phòng Tài chính huyện Vân Đồn và UBND huyện Vần Đồn bán số tài sản trên được 1.010.143.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Từ ngày 23/4/2013 đến ngày 25/4/2013 phân công 02 cán bộ tham gia tiếp nhận xử lý 02 tàu (QN-4789 và tàu QN-6986) có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa không đủ chứng từ hợp lệ, xử phạt vi phạm hành chính các lỗi về giao thông đường thủy nội địa: 24.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2013: phân công 02 cán bộ tiếp nhận hồ sơ xác minh vụ tàu Phú Sơn 10 gây tai nạn với tàu cá TH-90153TS; xử phạt vi phạm hành chính được 41.000.000 đồng.

Từ ngày 19/6 đến 22/6/2013, phân công 03 cán bộ tham gia xử lý tàu QN-6496 chở 2.018,90 tấn than cám 7C không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính được 23.150.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với Phòng Tài chính huyện Vân Đồn và UBND huyện Vần Đồn bán số tài sản trên được 979.167.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

TB-1711 chở 623,17 tấn than cám 7C không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với Cơ quan Tài chính huyện Vân Đồn bán số tài sản trên được 308.469.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Từ ngày 27/9 đến 17/10/2013, phân công 06 cán bộ tham gia xử lý tàu Phúc Hải Phong 09 (HP-3440) vận chuyển 19.015 lít dầu DO và 101.496 lít dầu FO không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 79.550.000 đồng, tịch thu toàn bộ số dầu DO và FO vận chuyển trên tàu, phối hợp với Sở Tài chính Ninh Bình bán số tài sản trên được 1.719.454.700 đồng sung quỹ Nhà nước + 40.000.000 đồng (khách hàng lần 1 đặt cọc sau đó đơn phương chấm dứt hợp đồng) sung quỹ Nhà nước. Tổng là 1.759.454.700 đồng.

Từ ngày 05/9 đến 06/10/2013, phân công 03 cán bộ tham gia xử lý tàu Quế Bắc Ngư Vận 35218 (quốc tịch Trung Quốc) vận chuyển 120 tấn xách bò từ Việt Nam đi Trung Quốc (theo khai báo Hải Quan là thịt ngựa). Đã xử phạt vi phạm hành chính 33.250.000 đồng các lỗi về hàng hải; bàn giao hàng hóa cho Chi cục Hải Quan Vạn Gia - Quảng Ninh xử lý theo quy định của pháp luật.

Năm 2014 (từ ngày 16/11/2013 đến 15/11/2014), BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tổ chức thực hiện 42 lượt chuyến tuần tra, kiểm tra kiểm soát: Kết quả thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát + tiếp nhận bàn giao, xác minh, xua đuổi tàu cá nước ngoài = 545 tàu, số tàu bị xử phạt = 279 tàu; số tàu không xử phạt = 43 tàu; Số tàu tiếp nhận XLVP: 14 tàu; số tàu cá Trung Quốc bị kiểm tra không lập biên bản và lập biên bản rồi thả theo lệnh của cấp trên 16 tàu cá Trung Quốc. Kiểm tra tàu cá Việt Nam: 01 tàu, phát hiện xua đuổi 192 tàu cá Trung Quốc. Tổng số tiền xử phạt 1.584.300.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi tư triệu ba trăm ngàn đồng chẵn).

Trong năm 2014, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tiếp nhận, theo dõi, xử lý 07 tàu và 01 mảng gỗ không số vi phạm pháp luật gồm: TB - 1868, HD - 1118, HP - 3456, Trường Nguyên - 36, Hải Nam - 01, QN- 5698, NB -2907 và 01 Mảng gỗ . Trong đó tịch thu hàng hóa của 07 tàu và 01 mảng gỗ không số, phối hợp cơ quan chức năng bàn thanh lý 730 kg Cá chuối thịt, 3.755 kg Ếch thịt, 3.821,1 tấn than cám 7C, 862,755 tấn than cám 4A, 765,32 tấn than cám 6B, 70.653 lít dầu FO được tổng số tiền là 4.807.936.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm linh bảy triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Phối hợp với Phòng Pháp luật, Phòng Trinh sát BTL Cảnh sát biển thực hiện việc bán cho doanh nghiệp tái xuất thuốc lá nhập lậu bị tịch thu và tiêu hủy số thuốc lá nhập lậu không còn giá trị sử dụng.

Đặc biệt, khi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, ngăn cản Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trên vùng biển Việt Nam vừa qua, cán bộ, chiến sĩ của Vùng đã chủ động kiên quyết, kiên trì đấu tranh tuyên truyền bằng biện pháp hòa bình, tuyệt đối chấp hành nghiêm mệnh lệnh của trên, thực

hiện đúng Luật Biển Việt Nam, luật pháp quốc tế và chủ trương, đối sách về xử lý các vụ việc phức tạp trên biển.

Trong suốt hơn 2 tháng khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 trái phép trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, Đảng ủy, chỉ huy Vùng đã lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị quán triệt tốt nhiệm vụ trên giao, làm tốt công tác chuẩn bị, quán triệt, triển khai một cách nhanh chóng, kịp thời cho các lực lượng của Vùng Cảnh sát biển 1 trực tiếp tham gia đấu tranh, tuyên truyền trên thực địa, yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan Hải Dương 981 và các tàu bảo vệ ra khỏi vùng biển của Việt Nam, 100% cán bộ, chiến sỹ trong toàn Vùng xung phong đi làm nhiệm vụ, qua các đợt thực hiện nhiệm vụ, 100% cán bộ, chiến sỹ đều xin ở lại tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tại thực địa. Cùng với thực hiện nhiệm vụ tại Vùng biển Hoàng Sa, Bộ Tư lệnh Vùng đã tăng cường các lực lượng trực tại các điểm đảo Bạch Long vĩ, Cồn Cỏ và các tàu hoạt động trên biển để giữ vững an ninh biển, đảo tạo điều kiện cho ngư dân làm ăn trên biển kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển, tàu thuyền vi phạm thường có thái độ chống đối và tìm cách không cho tàu kiểm tra tiếp cận. Có những tàu còn đem theo hung khí sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng. Do đó, ngoài việc quán triệt sâu sắc nhiệm vụ của Chỉ huy giao phó và tinh thông nghiệp vụ, anh em còn phải huấn luyện thuần thục các tình huống xử lý để đối phó trong những trường hợp cần thiết, bảo đảm cho chuyến làm nhiệm vụ trên biển hoàn thành thắng lợi.

So sánh kết quả với năm 2013:

Bảng 2.3.1.2. So sánh kết quả hoạt động của năm 2014 với năm 2013

Năm	Lượt chuyến	Tổng kiểm tra	Không xử lý	Xử lý	Tổng tiền	Tỷ lệ xử phạt
2013	32	479	102	377	2.009.450.000	78,70%
2014	42	322	43	279	1.584.300.000	86,66%

(Phụ lục 2014)

Ngày 18/12/2013: phân công 02 cán bộ tiếp nhận 01 hồ sơ từ Cụm trinh sát số 1, Mảng gỗ không số vi phạm về lĩnh vực thủy sản. Xử phạt vi phạm hành chính 6.000.000 đồng. Phối hợp với Phòng Tài chính huyện Vân Đồn Quảng Ninh bán thanh lý số hàng hóa (Cá chuối thịt 730 kg, Ếch thịt 3.755 kg) bán số tài sản trên được 115.775.000 đồng sung quỹ Nhà nước

Ngày 27/12/2013: phân công 04 cán bộ tiếp nhận hồ sơ tàu TB - 1868 từ Phòng trinh sát - Vùng Cảnh sát biển 1, chở 1.015,6 tấn than cám 7C không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 18.000.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với sở Tài chính Hải phòng, Chi cục Thuế huyện Cát Hải, bán số tài sản trên được 502.722.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 19/02/2013: phân công 05 cán bộ phối hợp với Phòng trinh sát Vùng cảnh sát biển 1 bắt giữ tàu HD - 1118 chở 715,8 tấn than cám 7C không có chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 50.200.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám vận chuyển trên tàu, phối hợp với Phòng Tài chính huyện Vân Đồn Quảng Ninh, bán số tài sản trên được 322.100.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 08/03/2014: phân công 03 cán bộ tiếp nhận hồ sơ tàu HP - 3456 (Hoàng Thịnh 05) từ Phòng trinh sát -Vùng cảnh sát biển 1, chở 53.222 lít dầu FO không có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 86.200.000 đồng, tịch thu toàn bộ số dầu FO vận chuyển trên tàu, phối hợp với sở Tài chính Hải phòng bán số tài sản trên được 782.363.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 19/03/2014: phân công 03 cán bộ tiếp nhận hồ sơ tàu Trường Nguyên 36 từ Cục Cảnh sát đường thủy- Bộ công an (C68), chở 2.089,72 tấn than cám 7C không có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 82.500.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám 7C vận chuyển trên tàu, phối hợp với sở Tài chính Vân Đồn - Quảng Ninh, bán số tài sản trên được 1.107.552.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 26/4/2014: Phân công 03 cán bộ tiếp nhận hồ sơ tàu Hải Nam 01 (VP-0889) từ Cụm trinh sát số 1, chở 862,755 tấn than cám 4A không có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 36.150.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám 4A vận chuyển trên tàu, phối hợp với Cụm Trinh sát số 1 và UBND huyện Vân Đồn - Quảng Ninh, bán số tài sản trên được 1.049.110.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 17/6/2014: phân công 03 cán bộ tiếp nhận, xử lý tàu QN - 5698 (Hương An 02) chở 17.431 lít dầu FO không có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 48.050.000 đồng, tịch thu toàn bộ số dầu FO vận chuyển trên tàu, phối hợp Sở Tài chính Hải Phòng bán số tài sản trên được 251.006.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngày 27/6/2014: phân công 03 cán bộ tiếp nhận hồ sơ tàu NB - 2907 chở 765,32 tấn than cám 6B không có hóa đơn chứng từ hợp pháp. Xử phạt vi phạm hành chính 31.700.000 đồng, tịch thu toàn bộ số than cám 6B vận chuyển trên tàu, phối hợp với UBND huyện Vân Đồn - Quảng Ninh, bán số tài sản trên được 677.308.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Năm 2015 (từ 16/11/2014 đến 15/11/2015), BTL Vùng Cảnh sát biển 1 thực hiện 47 lượt chuyến tuần tra, kiểm tra kiểm soát: Tổng kiểm tra kiểm soát = 695 tàu, trong đó: Số tàu không xử phạt = 68 tàu (TNĐ 43; VTB 20; VTB nước ngoài 01; tàu cá Trung Quốc 04;); Số tàu bị xử phạt = 626 tàu (TNĐ 565, VTB 61); Số tàu cá Trung Quốc bị kiểm tra không lập biên bản và lập biên bản rồi thả theo lệnh của cấp trên 01 tàu cá Trung Quốc.

Tổng số tiền xử phạt : 1.785.550.000 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Phát hiện ghi hình và xua đuổi 790 tàu cá Trung Quốc xâm phạm vùng biển Việt Nam để khai thác thủy sản, trong đó ghi số hiệu được 435 tàu.

Xử lý các vụ việc có dấu hiệu buôn lậu, gian lận thương mại:

Trong năm 2015, đơn vị đã phân công cán bộ tham gia bắt giữ, tiếp nhận, theo dõi, xử lý 15 vụ vi phạm pháp luật. Trong đó đã ra quyết định khởi tố 02 vụ

án hình sự (01 tàu chở thuốc lá ngoại và 01 tàu chở cá Song giống). Bàn giao cho Cơ quan chức năng hồ sơ của 02 vụ việc, 11 người và toàn bộ số tang vật thuốc lá (82.500 bao 555 GOLD), cá Song giống (9.950 con), để tiếp tục xác minh, điều tra xử lý theo thẩm quyền. Bàn giao 01 hồ sơ vụ việc cùng 03 đối tượng cắt trộm lưới cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh xử lý. Tịch thu hàng hóa của 12 tàu trong đó xử phạt 601.050.000 đồng, phối hợp với Phòng Tài chính kế hoạch huyện Vân Đồn Quảng Ninh, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng tiến hành bán 1.980,53 tấn quặng sắt, 11.372,37 tấn than các loại, 125.924 lít dầu các loại, 141.016 lít xăng được 13.507.246.000 đồng.

So sánh kết quả với năm 2014

Bảng 2.3.1.3. So sánh kết quả hoạt động của năm 2015 với năm 2014

Năm	Lượt chuyến	Tổng kiểm tra	Không Xử lý	Xử lý	Tổng tiền	Tỷ lệ xử phạt
2014	42	322	43	279	1.584.300.000	86,66%
2015	47	695	69	626	1.785.550.000	90%

6 tháng đầu năm 2016, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 thực hiện 38 lượt chuyến tuần tra, kiểm soát (trong đó có kiểm tra liên hợp nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc 01 lượt chuyến; hiện có 05 lượt chuyến đang tiếp tục thực hiện nhiệm vụ). Kết quả đạt được: Tổng kiểm tra kiểm soát: 492 tàu, trong đó: Không xử phạt: 38 tàu, lập biên bản rồi phóng thích theo lệnh của trên là: 33 tàu cá Trung Quốc, xử phạt: 421 tàu. Tổng tiền xử phạt: 1.473.750.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Xử lý các vụ việc có dấu hiệu buôn lậu, gian lận thương mại:

BTL Vùng CSB 1 đã xử lý 18 vụ vi phạm pháp luật, trong đó có 13 vụ độc lập phát hiện, bắt giữ và xử lý tàu vi phạm, 05 vụ tiếp nhận từ Cục Nghiệp vụ và Pháp luật - BTL Cảnh sát biển và Cụm Trinh sát số 1.

Kết quả: đã xử phạt vi phạm hành chính được 779.100.000 đồng, tịch thu 7.913,824 tấn Than, 21.890,21 kg Gạo, 106.095 lít dầu, 31.012 kg phân Urê. Các loại tang vật bị tịch thu được BTL Vùng Cảnh sát biển 1 phối hợp với Sở Tài chính Hải Phòng và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng bán được 8.045.920.000 đồng sung quỹ nhà nước. Phối hợp với các cơ quan chức năng tiêu hủy 10.752 bao thuốc lá ngoại.

Để bảo đảm tính chủ động cao trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 luôn duy trì 04 tàu trực sẵn sàng chiến đấu với đầy đủ các định mức dầu, nước, lương thực thực phẩm khô theo quy định. Các tàu đảm nhiệm trực luôn sẵn sàng rời bến lên đường thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh.

Song song với nhiệm vụ tuần tra kiểm soát là công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trên biển. Năm 2012 và những tháng đầu năm 2013, các chuyến công tác của đơn vị đã tuyên truyền bằng các hình thức phát tờ rơi và tuyên truyền miệng được hơn 4.000 lượt. Việc làm đó giúp cho bà con ngư dân thêm hiểu biết và chấp hành tốt Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ, Hiệp định Hợp tác nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc và các quy định khác có liên quan khi tàu thuyền hoạt động trên biển.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên khu vực Vịnh Bắc Bộ, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tích cực tham gia hoạt động cứu nạn ngư dân Việt Nam trên biển. Ví dụ ngày 18/11/2013, tại khu vực gần đảo Hòn Ngư (Nghệ An), BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã cứu được 3 người dân trôi dạt trên biển, trong tình trạng sức khỏe yếu. Cảnh sát biển đã tổ chức sơ cứu, cấp quần áo ấm, cho các nạn nhân ăn uống và kiểm tra theo dõi sức khỏe. Ba ngư dân được cứu là thuyền trưởng Đặng Văn Luận (sinh năm 1974), Nguyễn Văn Bảy (sinh năm 1969) và Nguyễn Tài Đức (sinh năm 1983), đều ở phường Nghi Hải- thị xã Cửa Lò, Nghệ An. Khi đang đi đánh cá gặp sóng gió to nên tàu bị chìm lúc 15h30 cùng ngày [24].

Một vụ việc khác như ngày 10/12/2014, tàu hàng mang số hiệu HP 90198 gồm 11 thuyền viên do ông Đinh Văn Híp (SN1966), trú tại xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, trên đường hành trình từ huyện Thủy Nguyên ra đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), khi cách Tây Bắc đảo 6 hải lý thì gặp sự cố bị

nước tràn vào nhiều gây hư hỏng định vị và các thiết bị dẫn đường khác do hoạt động trong đêm tối, gió Đông Bắc cấp 6, cấp 7, sóng cấp 5, cấp 6. nhận được yêu cầu cứu nạn của tàu hàng mang số hiệu HP 90198, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã điều động tàu CSB 3005 đang làm nhiệm vụ trực tại khu vực Bạch Long Vĩ nhanh chóng cơ động để cấp cứu tàu bị nạn. Đến 22h05, tàu CSB 3005 đã tiếp cận được tàu HP 90198, kịp thời cùng tàu HP 90198 sơ bộ khắc phục sự cố và lai kéo về âu cảng Bạch Long Vĩ. Đến 23h40, tàu HP 90198 đã cập âu cảng an toàn và khắc phục xong sự cố [25].

Ngày 14/9/2015, sau khi tiếp nhận thông tin từ Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực 1 (Hai phong MRCC) về việc tàu cá NĐ 2887 TS bị nạn lúc 03h00 ngày 14/9/2015 tại φ = 18026'N; λ = 106036'E. BTL Vùng Cảnh sát biển 1 sau khi nhận được thông tin đã điều động 2 tàu CSB 9004 và CSB 2008 đi thực hiện nhiệm vụ. Đến 14 giờ 15 ngày 15/9/2015 tàu cá NĐ 2887 TS đã được tàu CSB 2008 và CSB 9004 lai kéo về cảng Hòn La, Quảng Bình an toàn.

2.3.2. Hoạt động hợp tác quốc tế

Dưới sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, CSB Việt Nam đã thiết lập mối quan hệ song phương, đa phương với 7 tổ chức và 15 lực lượng thực thi pháp luật trên biển thuộc các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Sự hợp tác với các nước bạn đã bảo đảm cho LL CSB Việt Nam thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm có tổ chức, có yếu tố nước ngoài; đồng thời nâng cao vai trò, vị thế và trách nhiệm của Việt Nam là quốc gia ven biển đối với các nước trong khu vực và thế giới.

Cảnh sát biển Việt Nam có nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, duy trì pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh các vùng biển, thềm lục địa của Tổ quốc. Bởi vậy, nhiệm vụ hợp tác quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng vừa mang tính Nhà nước, vừa mang tính quốc phòng, an ninh. Những năm qua, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã chủ động tích cực hợp tác quốc tế, đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã thực hiện tốt việc chia sẻ, trao đổi thông tin phòng, chống cướp biển và tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại khu vực châu Á (ReCAAP); phối hợp với Tổng cục Ngư chính Nam Hải (Trung Quốc) tổ chức kiểm tra liên hợp tại vùng đánh cá chung Vịnh Bắc Bộ; ký thoả thuận hợp tác với Cục Công an đường thủy, Tổng Cục Cảnh sát, Bộ Nội vụ (Cam-pu-chia) về thiết lập hệ thống cung cấp thông tin trên biển; ký Bản Ghi nhớ với lực lượng Phòng vệ bờ biển Hàn Quốc; phối hợp với lực lượng Phòng vệ biển Hoa Kỳ tổ chức 5 khoá huấn luyện, bồi dưỡng chuyên ngành cho cán bộ Cảnh sát biển Việt Nam… Trong những năm qua, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 rất tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế như cứu nạn trên biển; đấu tranh chống cướp biển; tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lực lượng Cảnh sát biển… Ví dụ : năm 2012, Vùng đã cử 03 đồng chí tham gia tập huấn pháp luật do lực lượng phòng vệ bờ biển Mỹ tổ chức; 01 đồng chí tham gia lớp nâng cao sỹ quan lên tàu do Cảnh sát biển Mỹ tổ chức tại Malaysia trong vòng 14 ngày; cử 01 đồng chí tham gia Tập huấn lớp phối hợp chống tội phạm quốc tế giữa Cảnh sát biển của các quốc gia Asean do JiCa tổ chức tại Philippin trong 7 ngày. Năm 2013, tham gia tập huấn Cảnh sát biển Vùng vịnh Thái Lan do Cục Cảnh sát biển Việt Nam tổ chức tại Hải Phòng. Năm 2014, Vùng đã cử 01 đồng chí tham gia tập huấn pháp luật do BTL Cảnh sát biển Việt Nam kết hợp với lực lượng Phòng vệ bờ biển Mỹ tổ chức...

Chấp hành chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và BTL Cảnh sát biển Việt Nam về việc tuần tra chung trong khuôn khổ Hiệp định hợp tác nghề cá, từ năm 2006 đến nay, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã thực hiện 9 đợt/18 lượt tàu tiến hành tuần tra liên hiệp nghề cá với Cục Ngư chính khu Nam Hải Trung Quốc.

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ hợp tác quốc tế, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 luôn chuẩn bị tốt về con người cũng như tàu thuyền, phương tiện, trang bị kỹ thuật, hậu cần, đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt. Quá trình tuần tra chung trên biển, cán bộ chiến sĩ BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tuyệt đối chấp hành nghiêm các quy định về đối ngoại quân sự, giữ gìn tác phong nghiêm túc, mẫu mực. Hiệu quả của công tác tuần tra chung đã được Bộ Quốc phòng, BTL Cảnh sát

biển Việt Nam khen thưởng, được lực lượng chức năng nước ngoài tham gia tuần tra chung đánh giá cao.

Thông qua các mối quan hệ hợp tác quốc tế, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 tiếp thu được nhiều kinh nghiệm quý báu, vận dụng thiết thực vào việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ của Ngành; đồng thời, góp phần tăng cường công tác đối ngoại quốc phòng, nâng cao uy tín, vị thế của Cảnh sát biển, Quân đội, đất nước trong khu vực và trên thế giới.

Tóm lại, là quốc gia có hơn 3.000km bờ biển, tổng diện tích các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền xấp xỉ 3 lần diện tích đất liền nên biển đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế cũng như bảo đảm an ninh quốc gia của Việt Nam. Tại khu vực Vịnh Bắc Bộ do BTL Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý, luôn xác định hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn an ninh trật tự, bảo đảm hòa bình và ổn định trên các vùng biển. Ngoài việc bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển và thềm lục địa, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 còn phải đối mặt với các thách thức: cướp biển và cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trên biển, vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma túy, vũ khí quân dụng, rửa tiền và buôn bán người, đánh bắt trộm hải sản, ô nhiễm môi trường biển và đối phó với thảm họa của thiên nhiên… Tội phạm trên biển thường là những tổ chức tội phạm đa quốc gia và hoạt động tinh vi. Vì vậy, để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm trên biển đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa BTL Vùng Cảnh sát biển 1 với các quốc gia trên thế giới.

2.4. Đánh giá chung về tổ chức và hoạt động của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

2.4.1. Ưu điểm và nguyên nhân

Về mặt tổ chức, theo Quyết định số 3558/2014/QĐ-BQP ngày 10/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì các Vùng Cảnh sát biển sẽ được đổi tên thành Bộ Tư lệnh Vùng. Việc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định đổi tên từ Vùng Cảnh sát biển sang Bộ Tư lệnh Vùng cảnh sát biển đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình xây dựng Cảnh sát biển theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; thể hiện sự tin tưởng của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và nhân dân cả nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam; mở ra

cơ hội và tạo điều kiện thuận lợi để Cảnh sát biển Việt Nam tiếp tục phát triển, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay và thời gian tới. Đồng thời việc nâng cấp này có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là xác định đúng vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển, để đáp ứng được tình hình trên vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

Cán bộ, chiến sĩ BTL Vùng Cảnh sát biển 1 trong những năm qua đã nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là quán triệt và thực hiện tốt phương châm chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên biển theo tinh thần "9K" (Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không để lấn chiếm, không để xảy ra xung đột, không nổ súng trước".

Dân chủ cơ sở được phát huy, nội bộ đơn vị đoàn kết, thống nhất cao; cán bộ, chiến sỹ có niềm tin vào lãnh đạo, chỉ huy các cấp; luôn yêu mến, gắn bó với đơn vị; ý chí quyết tâm cao, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ…

Về mặt hoạt động, trong suốt thời gian qua, với tư cách là lực lượng chuyên trách của nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam, lực lượng Cảnh sát biển đã chủ trì thực hiện, thường xuyên phối hợp với các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Cảnh sát biển tham gia quản lý, giám sát hoạt động nghề cá trong các vùng nước Hiệp định ở Vịnh Bắc Bộ, góp phần duy trì trật tự, an toàn, an ninh trên biển, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân làm ăn sinh sống và hoạt động trên vùng biển của tổ quốc.

Được biết đến như lực lượng đầu tiên giáp mặt với các loại tội phạm trên biển, những năm qua, Lực lượng Cảnh sát Biển nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng thực sự trở thành nỗi ám ảnh của những kẻ hoạt động phi pháp trên biển. Qua các cuộc tuần tra kiểm soát, đã phát hiện, xử lý hàng nghìn lượt tàu thuyền vi phạm khi hoạt động khai thác, đánh bắt hải sản và buôn hàng cấm, mua bán, vận chuyển than không rõ nguồn gốc hợp pháp; tịch thu và truy

thu hàng vạn tấn than. Với việc thường xuyên tuần tra kiểm soát trên biển đã góp phần hạn chế vi phạm, gian lận thương mại trên biển. BTL Vùng Cảnh sát biển 1 còn phối hợp với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy - Bộ Công an và Công an nhiều tỉnh, thành bắt 10 đối tượng vận chuyển trái phép, thu hơn 40 bánh hêrôin.

Với ngư dân, Cảnh sát biển cũng tích cực trong hoạt động tuyên truyền vận động ngư dân nắm vững pháp luật, tôn trọng điều ước quốc tế để từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh chống sự xâm phạm lãnh hải của tàu thuyền nước ngoài.

Bên cạnh đó, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã cứu nạn thành công nhiều tàu cá và ngư dân gặp nạn trên biển. Trong điều kiện các vùng biển của nước ta tiềm ẩn những phức tạp về tai nạn thì BTL Vùng Cảnh sát biển 1 luôn chủ động thực hiện nhiệm vụ tham gia tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường biển.

Ngoài hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên đây và thực hiện nhiệm vụ quản lý, duy trì và thực thi pháp luật trên biển, BTL Vùng Cảnh sát Biển 1 còn là lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, bảo vệ các hoạt động thăm dò dầu khí của Việt Nam.Trong khi Biển Đông luôn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp do yêu sách và hoạt động của một số nước thì BTL Vùng Cảnh sát biển 1 luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất, sẵn sàng xuất kích, thực hiện nhiệm vụ trên giao; từng bước nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, nhất là khả năng tác chiến và trình độ xử lý trên biển bảo đảm đúng đối sách, giữ vững ổn định vùng biển….

Nhìn chung phải quản lý vùng biển Vịnh Bắc Bộ rộng lớn, phức tạp, nhiệm vụ của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 hết sức nặng nề, vừa thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền, vừa chống buôn lậu trên biển, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn…Trong vai trò bảo vệ chủ quyền biển đảo tổ quốc, những năm qua BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã thường xuyên tiến hành chuyến tuần tra kiểm soát trên vùng biển Việt Nam, kiên quyết xử lý các hành động vi phạm chủ quyền của tàu thuyền nước ngoài.

Đặc biệt, gần đây, các hoạt động vi phạm lãnh hải ngày càng gia tăng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển càng thêm nặng nề, phải thường xuyên túc trực, sẵn sàng nhổ neo tiến ra biển bảo vệ ngư dân, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Cảnh sát biển cũng phối hợp chặt chẽ với các lực lượng như Hải quân, Biên phòng, Kiểm ngư cùng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc, đặc biệt ở khu vực đang xảy ra các tranh chấp gay gắt những năm gần đây.

Những thành tựu trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Một là, do sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chỉ huy BTL Cảnh sát biển cũng như Đảng uỷ, Chỉ huy BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã không ngừng quán triệt sâu sắc các chỉ thị, mệnh lệnh, tình hình nhiệm vụ, đối sách trên biển, quy trình kiểm tra, kiểm soát. Luôn giáo dục, rèn luyện cho mọi cán bộ, chiến sĩ trong toàn đơn vị nắm chắc chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kinh nghiệm, năng lực công tác, nhất là phẩm chất, đạo đức của người chiến sĩ Cảnh sát biển trước mọi tình huống. Điều đó đã động viên cán bộ, chiến sĩ BTL Vùng Cảnh sát biển 1 hoàn thành tốt nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển.

Hai là, qua thực tiễn rèn luyện, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ đã ngày càng nâng cao khả năng chịu sóng gió, công tác chuyên môn nghiệp vụ ngày càng vững vàng.

Ba là, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất ngày càng được bổ sung, tăng cường.

Bốn là, các văn bản pháp luật mới được ban hành tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển được thuận lợi hơn.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, về nguồn nhân lực, với bản chất là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, với vai trò là lực lượng nòng cốt, trực tiếp trong duy trì thực thi pháp luật trên biển, đòi hỏi chất lượng cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển phải được chuyên môn hóa, có chất lượng tổng hợp cao, có khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Nhưng hiện nay Cảnh sát biển chưa có trường đào tạo chuyên ngành; cán bộ, chiến sỹ được điều động về nhận công tác tại các cơ quan, đơn vị trong lực lượng Cảnh sát biển nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng chủ

yếu được điều chuyển từ các đơn vị, nhà trường trong lực lượng vũ trang và từ các nhà trường ngoài quân đội. Số cán bộ này cần phải đào tạo lại và có thời gian tập sự nhất định thì mới thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Trình độ chuyên môn của cán bộ, chiến sĩ không đồng đều, ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu của một số bộ phận chưa cao.

Thứ hai, các loại trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ còn thiếu, lạc hậu, hỏng hóc, một số loại khả năng sử dụng hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công việc và đảm bảo an toàn cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên biển. Về trang bị phương tiện tàu thuyền, hiện nay số tàu có lượng giãn nước lớn, khả năng hoạt động ở biển xa, trong mọi điều kiện thời tiết chưa nhiều; yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc ngày càng cao, vừa phải giữ vững được chủ quyền quốc gia trên biển; vừa tạo được môi trường hòa bình, ổn định để tạo điều kiện cho đất nước tiếp tục hội nhập và phát triển kinh tế, nhưng lại phải giữ được mối quan hệ với các nước có chung lợi ích ở Biển Đông. Trong khi vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống trên biển diễn biến phức tạp, nhất là hoạt động vi phạm chủ quyền, buôn lậu và gian lận thương mại, buôn bán, vận chuyển ma túy, kể cả cướp biển và cướp có vũ trang trên biển.

Thứ ba, công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam chưa được tiến hành thường xuyên trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Do vậy, một số hành vi vi phạm pháp luật chưa được phát hiện kịp thời và xử lý nhanh chóng, nhất là việc phát hiện hành vi vi phạm của các cá nhân, tổ chức và phương tiện nước ngoài trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

Thứ tư, công tác phối hợp kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trên biển giữa cơ quan Cảnh sát biển với lực lượng Hải quân và Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Thanh tra chuyên ngành và các lực lượng khác chưa đạt hiệu quả cao, số lượt phối hợp tuần tra, kiểm soát giữa các lực lượng còn rất khiêm tốn.

Nguyên nhân của những hạn chế có thể xem xét ở một số khía cạnh sau:

Nguyên nhân khách quan

BTL Vùng Cảnh sát biển 1 thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trên vùng biển Vịnh Bắc Bộ - đây là phạm vi hoạt động trên vùng biển rộng nhưng chưa khép kín đã gây ra không ít những khó khăn cho Cảnh sát biển trong công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát.

Bờ biển Việt Nam với địa hình khúc khuỷu, có nhiều tuyến đường ven bờ biển, ven vịnh, đường ra đảo, đường nối giữa các đảo tạo nên một hệ thống đường thủy tương đối dày đặc. Vùng biển nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, hàng năm có khoảng 11 đến 12 cơn bão cấp 11 cấp 12. Vào những ngày thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, sóng gió to có lúc cấp 6, cấp 7 nên công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển của lực lượng Cảnh sát biển gặp không ít khó khăn, vất vả.

Chính điều này đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời, nhanh chóng hành vi vi phạm pháp luật trên biển của BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Nguyên nhân chủ quan

Nhân lực làm công tác tuần tra, kiểm soát còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam đang có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay. Quân số phân tán, phải hoạt động liên tục dài ngày trên biển theo nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát nên ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức quán triệt, triển khai và thực hiện nhiệm vụ chung của toàn đơn vị.

Hoạt động luôn đối mặt với những khó khăn, nguy hiểm, bởi những hành động xâm phạm chủ quyền, buôn lậu, khai thác hải sản vi phạm pháp luật của các loại đối tượng. Điều đó, tác động chi phối đến tư tưởng, tâm ý và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, chiến sỹ.

Tình ổn định của nội dung văn bản pháp luật chưa cao, thường xuyên thay đổi gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc áp dụng pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (đặc biệt là những văn bản pháp luật trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính). Hệ thống văn bản còn bất cập và thiếu đồng bộ như: thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tịch thu tang vật của Tư lệnh Vùng Cảnh

sát biển hiện nay là dưới 100 triệu dẫn đến khó khăn là hầu hết các vụ việc đều phải chuyển lên cấp Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam ra quyết định tịch thu. Quy định của Bộ Tài chính về việc trích kinh phí cho công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại chưa phù hợp như không cho mua tin, thuê tàu trinh sát.

Trang bị tàu thuyền là phương tiện trực tiếp để các chiến sĩ lực lượng Cảnh sát biển làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát giữ vững chủ quyền biển đảo và an ninh, trật tự an toàn trên biển, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, trang bị tàu thuyền cũng mới đang từng bước được đầu tư đóng mới các loại tàu phù hợp với hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển. Số lượng tàu thuyền và phương tiện trên ít, khó đáp ứng được nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát nên không tránh khỏi những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý hành vi vi phạm trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

Hệ thống cầu cảng chưa theo kịp với lực lượng tàu mới: cảng cũ, luồng hẹp, nông trong khi tàu to, mớn nước sâu, lượng giãn nước lớn ảnh hưởng đến tính cơ động của tàu thuyền khi rời bến đi thực thi nhiệm vụ trên biển.

Việc phối hợp với các lực lượng khác và chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền - giáo dục, ngăn ngừa và xử lý vi phạm trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam có lúc, có nơi chưa đồng bộ.

Kết luận chương 2

Ở chương 2, luận văn đã khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - an ninh quốc phòng của BTL Vùng Cảnh sát biển 1. Đây là địa bàn BTL Vùng Cảnh sát biển 1 hoạt động, chính vì thế những yếu tố đó đều có những ảnh hưởng nhất định đến tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Luận văn đã khái quát chung về tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1, trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá về ưu điểm và hạn chế trong mặt tổ chức của BTL Vùng Cảnh sát biển 1; Về mặt hoạt động, trong suốt thời gian qua, với tư cách là lực lượng chuyên trách của nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam, lực lượng cảnh sát biển đã chủ trì

thực hiện, thường xuyên phối hợp với các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó có những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về chất lượng nguồn nhân lực, quan hệ phối hợp với các cơ quan hữu quan, trang thiết bị kỹ thuật…Những hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Chương 3
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN BỘ TƯ LỆNH VÙNG CẢNH SÁT BIỂN 1

3.1. Quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

3.1.1. Đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển phải xuất phát từ nhu cầu giữ vững an ninh, chính trị và chủ quyền quốc gia trên biển

Những năm gần đây tranh chấp trên biển Đông trở nên phức tạp và bị đẩy lên mức độ ngày càng gay gắt, không chỉ bắt nguồn từ mâu thuẫn hay tồn tại tranh chấp về chủ quyền lãnh hải do lịch sử để lại và quyền tài phán đối với các vùng đặc quyền kinh tế, vùng chồng lấn ở biển của nhiều quốc gia đòi yêu sách, mà còn xuất phát từ sự đan xen lợi ích, mưu cầu địa chính trị, trước hết là quản lý, kiểm soát tuyến hàng hải, hàng không chiến lược và nguồn tài nguyên giàu có, đặc biệt là dầu mỏ tại khu vực này, từ đó mở rộng ảnh hưởng ra toàn khu vực châu Á-Tây Thái Bình Dương.

Có thể nói, khu vực Biển Đông đang có tranh chấp gay gắt, việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, những vi phạm trong quá trình sử dụng, khai thác tài nguyên biển chưa có các quy định cụ thể mang tính pháp quy như trong quản lý sử dụng đất trên đất liền và còn nhiều bất cập. Với tầm quan trọng chiến lược, biển Đông trở thành không gian cạnh tranh gián tiếp giữa các cường quốc và là "nguồn cơn" làm phức tạp thêm tình hình.

Trong bối cảnh trên trên, Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã có quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, thể hiện rõ trên các luận điểm sau: Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, vùng trời Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc gắn với thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang, nòng cốt là Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển, Biên

phòng, dân quân tự vệ biển mạnh, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất và khai thác tài nguyên biển. Sớm xây dựng chính sách đặc biệt để thu hút và khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra đảo định cư lâu dài và làm ăn dài ngày trên biển, phát triển kinh tế kết hợp làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

Trong bối cảnh đó, để giữ vững an ninh, chính trị và chủ quyền quốc gia trên biển của Việt Nam đòi hỏi sức mạnh tổng lực của toàn bộ hệ thống trong đó một phần trực tiếp là sức mạnh của LL Cảnh sát biển - đơn vị trực tiếp thực thi pháp luật trên biển. Chính vì thế việc nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển nói chung và tổ chức, hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng là đòi hỏi tất yếu.

3.1.2. Đổi mới tổ chức và hoạt động của LL Cảnh sát biển phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế biển của quốc gia

Vươn ra biển, khai thác đại dương đã trở thành khẩu hiệu hành động mang tính chiến lược của toàn thế giới. Chính vì lẽ đó mà không phải ngẫu nhiên luận điểm "Thế kỷ XXI là thế kỷ của đại dương" xuất hiện và được nhất trí cao trên toàn thế giới. Việt Nam cũng hoà chung xu hướng đó. Xác định được tầm quan trọng của kinh tế biển, tại Hội nghị lần thứ 4, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã xây dựng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, trong đó nhấn mạnh: "Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển và ven biển đóng góp khoảng 53%-55% tổng GDP của cả nước".

Nước ta là một quốc gia có biển lớn trong vùng Biển Đông với chỉ số biển khoảng 0,01, gấp 6 lần giá trị trung bình của thế giới. Biển Việt Nam dài và đẹp, lại chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với trữ lượng, quy mô thuộc loại khá, cho phép phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế biển quan trọng. Kinh tế biển đã và đang đóng góp một phần rất lớn cho nền kinh tế nước nhà. Khai thác biển - đảo đã đem lại những lợi ích kinh tế -xã hội bước đầu quan trọng, nhưng việc sử dụng biển và hải đảo chưa hiệu quả, thiếu bền vững, trình độ khai thác biển của nước ta vẫn đang ở tình trạng lạc hậu nhất trong khu vực. Việt Nam tuy là một quốc gia biển, song đến nay, chúng ta vẫn chưa thực sự dựa vào biển để phát triển đúng tiềm năng và thế mạnh. Việt Nam vẫn chưa phải là

quốc gia mạnh về biển, vẫn chưa phải là một "cường quốc biển". Trong vấn đề phát triển kinh tế biển có nhiều thách thức đang được đặt ra. Đó là tài nguyên biển thuộc dạng tài nguyên chia sẻ , chứa đựng "yếu tố không gian", là tiền đề phát triển đa ngành. Song, việc quản lý biển - đảo đến nay vẫn theo cách tiếp cận mở kiểu "điền tư, ngư chung" và chủ yếu quản lý theo ngành. Trong một thời gian dài, quản lý biển đã thuộc về nhiều ngành, cơ quan và chủ yếu quan tâm đến vấn đề chủ quyền, an ninh trên biển,… quản lý tài nguyên và môi trường biển xem như còn bỏ trống. Các phương thức, cách tiếp cận mới chậm được áp dụng, nếu đã áp dụng cũng chưa có khả năng nhân rộng, như: tiếp cận hệ thống, tổng hợp, liên ngành trong quản lý biển và vùng bờ, quản lý dựa vào hệ sinh thái và đồng quản lý.

Do tầm quan trọng đặc biệt của biển đến sự sống còn của các quốc gia, nên là đơn vị chuyên trách của Nhà nước, ngay từ những ngày đầu thành lập, Lực lượng Cảnh sát biển nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 đã xác định rõ vai trò, nhiệm vụ thực thi pháp luật trên các vùng biển, thềm lục địa của Tổ quốc. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa X) của Đảng về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam đã có sự phát triển ngày càng nặng nề, đa dạng và toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Để phát triển kinh tế biển một cách bền vững, ổn định không thể thiếu được vai trò cơ quan quản lý nhà nước nói chung trong đó có Cảnh sát biển Việt Nam trong việc đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.1.3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng cảnh sát biển phải tương thích với nhu cầu mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên biển

Biển vừa là môi trường, điều kiện phát triển kinh tế của mỗi quốc gia có biển cũng như không có biển, vừa là nơi tiềm ẩn những xung đột, tranh chấp nhưng trên tất cả biển vẫn là môi trường để các quốc gia tiến hành hợp tác quốc tế. Với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia có biển cũng như không có biển đều thiết lập các quan hệ khác nhau trên các vùng biển. Việt Nam cũng

không nằm ngoại lệ. Theo Khoản 2, Điều 6, Luật Biển Việt Nam quy định về các nội dung cụ thể mà các đối tác quốc tế có thể hợp tác với Việt Nam thực hiện trên các vùng biển Việt Nam như sau:

Điều tra, nghiên cứu biển, đại dương, ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ;

Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và cảnh báo thiên tai;

Bảo vệ đa dạng sinh học biển, hệ sinh thái biển;

Phòng chống ô nhiễm môi trường biển, xử lý chất thải từ hoạt động kinh tế biển, ứng phó sự cố tràn dầu;

Tìm kiếm, cứu nạn trên biển;

Phòng, chống tội phạm trên biển;

Khai thác bền vững tài nguyên biển, phát triển du lịch biển.

Rõ ràng, để phát triển xu thế tất yếu của các quốc gia là hợp tác quốc tế trên biển để cùng tồn tại và lớn mạnh. Nếu đi ngược xu thế này, những tranh chấp, bất ổn trên biển chỉ có thể dẫn đến làm suy yếu các quốc gia.

Để có thể thực hiện nhiệm vụ chính trị này, Cảnh sát biển đóng vai trò quan trọng trong hợp tác quốc tế trên biển. Chính vì vậy nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 là một nhu cầu tất yếu.

3.2. Giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

3.2.1. Nhóm giải pháp chung

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển

Một là, hệ thống hóa và ban hành Luật Cảnh sát biển

Lực lượng CSB Việt Nam được xác định là một trong những lực lượng tiến thẳng lên hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội Đảng bộ quân đội lần thứ X, do đó, cần phải có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của CSB. Hiện nay, nhiều quy định trong Pháp lệnh đã không còn phù hợp, nhất là các quy định về vai trò quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng đối với lực lượng CSB chưa

thống nhất với sự điều chỉnh trong một số nghị định của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh.

Một số quy định về thẩm quyền, hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam trong Pháp lệnh còn chưa cụ thể, làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai, áp dụng vào thực tiễn. Trong Pháp lệnh cũng chưa quy định biện pháp nghiệp vụ của lực lượng CSB Việt Nam, do đó thiếu tính thực tiễn khi triển khai, hiệu quả hoạt động bị hạn chế, nhất là trong việc phối hợp với các lực lượng khác khi thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự trên biển.

Một vấn đề khác là các quốc gia ven biển trong khu vực cũng đều đã ban hành Luật Cảnh sát biển hoặc Luật về Lực lượng thực thi pháp luật trên biển, quy định về lực lượng Coast Guard có chức năng tương tự như lực lượng CSB Việt Nam. Vì vậy, nếu chỉ dừng ở hình thức Pháp lệnh thì sẽ không tương đồng với thực tiễn lập pháp quốc tế, làm ảnh hưởng đến giá trị pháp lý đối với các quy định trong văn bản pháp luật liên quan đến những hoạt động mang tính đại diện cho Nhà nước của lực lượng CSB Việt Nam.

Nhìn ở khía cạnh khách quan thì tình hình vùng biển trong khu vực ngày càng có những diễn biến phức tạp. Yêu cầu về bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên biển ngày càng cao. Nhất là trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng thì việc bảo vệ chủ quyền vùng biển bằng pháp luật, do lực lượng chuyên trách tiến hành, càng cần phải có tính phổ biến và trở thành thông lệ. Hơn nữa, việc áp dụng các biện pháp công tác, biện pháp nghiệp vụ trong việc nắm thông tin, đấu tranh với tội phạm… của lực lượng CSB Việt Nam hiện nay còn vận dụng ở nhiều văn bản khác nhau, dẫn đến sự không đồng nhất, có lúc bị chồng chéo, dẫn đến hạn chế về hiệu quả…

Từ những hạn chế trên cho thấy, việc nâng cấp Pháp lệnh CSB lên thành Luật Cảnh sát biển Việt Nam là một tất yếu và cấp thiết, nhằm đáp ứng các nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn, đồng thời là sự tuân thủ quy định của Hiến pháp 2013 về hạn chế quyền con người, quyền công dân nhằm mục tiêu bảo vệ lợi ích của quốc gia, dân tộc. Xây dựng Luật CSB Việt Nam cũng chính là một bước nội luật hóa các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời khắc phục được những hạn chế của Pháp lệnh lực lượng CSB Việt Nam.

Về phạm vi điều chỉnh của Luật Cảnh sát biển quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quản lý nhà nước, bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

Về đối tượng áp dụng của Luật Cảnh sát biển, Luật này áp dụng đối với Cảnh sát biển Việt Nam, cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCNVN hoặc địa bàn liên quan.

Trường hợp, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Hai là, bổ sung, chỉnh sửa một số quy định trong các Văn bản pháp luật liên quan

Nghiên cứu đề nghị tăng thẩm quyền điều tra hình sự cho lực lượng Cảnh sát biển (được tạm giữ hình sự, bắt, khám xét khẩn cấp, giám định,…) và bổ sung các tội danh mà lực lượng này được khởi tố như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, trốn thuế. Tiến hành một số hoạt động điều tra, thời hạn điều tra; bổ sung thẩm quyền được tiến hành một số hoạt động điều tra cho chỉ huy đơn vị trinh sát độc lập thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển...

3.2.1.2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển

Đây là một nhóm giải pháp tổng hợp bao gồm những biện pháp cụ thể sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy lực lượng cảnh sát biển

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Cảnh sát biển nhằm không ngừng củng cố, kiện toàn và đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng. Xác định vấn đề cán bộ là then chốt trong công tác xây dựng Đảng, là nhân tố quyết định đến thành công của sự nghiệp đổi mới, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của lực lượng. Cần giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quân ủy Trung ương; bảo đảm cho Cảnh sát biển tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Phát huy sức mạnh chính trị, tư tưởng làm cơ sở cho sức mạnh tổng hợp của lực lượng.

Hai là, tập trung xây dựng lực lượng vững mạnh về chính trị, tư tưởng.

Hiện nay, tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp. Trong khi đó, quân số của Cảnh sát biển mỏng, địa bàn công tác rộng lớn, nhạy cảm, trang bị thiếu thốn, đối tượng tác chiến của Cảnh sát biển ngày càng đa dạng với nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi. Đồng thời Cảnh sát biển cũng phải chịu ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, từ âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch… Những vấn đề đó thường xuyên tác động đến tư tưởng, tình cảm, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ. Trong điều kiện như vậy, người chiến sĩ cảnh sát biển cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Phải nhạy bén về chính trị, thường xuyên nâng cao cảnh giác, chống lại lối sống cơ hội, thực dụng và những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Không để bị cài cắm, mua chuộc, tác động, chi phối, can thiệp từ bên ngoài.

Để xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng cần tập trung bồi dưỡng cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp năng lực quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, nhiệm vụ chính trị, quân sự, quốc phòng của Đảng, chủ trương xây dựng Quân đội, Cảnh sát biển Việt Nam trong tình hình mới; Thường xuyên giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao lòng yêu nước, ý chí quyết tâm khắc phục mọi khó khăn gian khổ. Trong giáo dục chính trị, tư tưởng, lấy thuyết phục, khơi dậy tinh thần yêu biển, yêu tàu, niềm tự hào được mang trên mình quân phục Cảnh sát biển Việt Nam làm sợi chỉ đỏ, kết hợp với quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa X) để nâng cao ý thức phê bình và tự phê bình. Từ đó làm cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển tự giác, tự chủ, luôn có khả năng chiến thắng chính bản thân mình trước mọi sự cám dỗ của vật chất, trước những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống; những suy nghĩ và hành động xa lạ với bản chất "Bộ đội cụ Hồ".

Ba là, phải nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng sẵn sàng chiến đấu.

Hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam mang tính đặc thù là bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, duy trì trật tự an toàn trên biển, đảo. Vì vậy, đòi hỏi chất lượng cán bộ chiến sĩ Cảnh sát biển rất toàn diện. Cần tổ chức huấn luyện,

đào tạo bài bản, theo phương pháp kết hợp: vừa thực hiện nhiệm vụ vừa huấn luyện; kết hợp huấn luyện trên bờ với huấn luyện trên biển; kết hợp rút kinh nghiệm sau mỗi lần công tác và tranh thủ khoảng thời gian gối đầu giữa hai hành trình đi biển để huấn luyện về cả trình độ chỉ huy, quản lý, tổ chức thực hiện và chuyên môn nghiệp vụ.

Vấn đề đặt ra hiện nay là các đơn vị phải ý thức được đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của công tác huấn luyện. Chỉ có tập trung huấn luyện trên cơ sở bám sát thực tiễn, tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức thì mới bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ có ý chí vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao. Muốn vậy, từ khâu lập kế hoạch, chuẩn bị và tổ chức huấn luyện đều phải được thực hiện với tinh thần chủ động, sáng tạo; bám sát tình huống, phương án tác chiến, đối tượng tác chiến, đặc điểm địa bàn tác chiến. Đối với Cảnh sát biển, lấy huấn luyện theo nhiệm vụ trên biển và đòi hỏi của thực tiễn, kinh nghiệm xử lý các tình huống theo chủ trương, đối sách làm trọng tâm trong đó dành thời gian thích đáng cho nội dung nâng cao tri thức, hiểu biết về pháp luật và các quy trình, quy định xử lý vụ việc trên biển. Trên cơ sở nắm vững phương châm huấn luyện: "cơ bản, thiết thực, vững chắc, an toàn, tiết kiệm" để nâng cao chất lượng huấn luyện, trình độ sẵn sàng chiến đấu.

Bốn là, tích cực, chủ động củng cố tổ chức, xây dựng phát triển lực lượng.

Đối với BTL Vùng Cảnh sát biển 1 cần nhanh chóng ổn định về biên chế, tổ chức Cảnh sát biển vừa được nâng cấp thành Bộ Tư lệnh đồng thời đang triển khai Đề án xây dựng lực lượng đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Để đề án được thực hiện có hiệu quả, cần coi trọng việc hoàn thiện tổ chức, phát triển lực lượng, đặc biệt phải quan tâm đến vấn đề con người.

Về con người, Đảng ủy, chỉ huy BTL Cảnh sát biển Việt Nam, các BTL Vùng Cảnh sát biển, các Cụm lực lượng phải chủ động hiệp đồng với các cơ quan chức năng của Chính phủ, Bộ Quốc phòng để từng bước hoàn thiện tổ chức biên chế theo cơ cấu cấp Bộ Tư lệnh, đảm bảo quân số tinh gọn, hợp lý, có chất lượng cao, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, phải đảm bảo chặt chẽ khâu tuyển chọn con người, chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình tuyển chọn, sử dụng cán bộ. Đây là nền tảng để xây dựng đội ngũ Cảnh sát biển theo hướng

cách mạng, tinh nhuệ, chính quy. Đồng thời, cần có kế hoạch tạo nguồn cán bộ, nhất là đội ngũ thuyền trưởng, chính trị viên tàu, hải đội nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng trong tình hình mới.

Cán bộ, chiến sỹ các BTL Vùng Cảnh sát biển cần phải được xây dựng vững mạnh về chính trị tư tưởng (về bản lĩnh chính trị, về ý chí quyết tâm, về niềm tin và về hành động cách mạng…). Đây được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu; môi trường hoạt động, tính chất nhiệm vụ của các Vùng Cảnh sát biển đòi hỏi cán bộ, chiến sỹ phải có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng chống lại lối sống cơ hội, thực dụng và âm mưu của các thế lực thù địch; đội ngũ cán bộ, chiến sỹ phải được nâng cao chất lượng, đảm bảo chặt chẽ khâu tuyển chọn con người, theo hướng lựa chọn kỹ bảo đảm tin cậy về chính trị; được huấn luyện, đào tạo bài bản thông qua nhiều hình thức từ đào tạo chính quy, bồi dưỡng, tập huấn, rèn luyện qua thực tiễn, tăng cường công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm và đặc biệt là phải xây dựng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp, cán bộ chuyên môn kỹ thuật để đủ điều kiện mọi mặt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay cũng như khi có tình huống phức tạp xảy ra trên biển.

Phát huy truyền thống "kiên quyết dũng cảm, khắc phục khó khăn, đoàn kết hiệp đồng, giữ nghiêm pháp luật" và với tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết tâm. Đây là những điều kiện, nhân tố quyết định đảm bảo cho lực lượng có đủ khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong giai đoạn cách mạng mới.

3.2.1.3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát biển

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ đã tác động mạnh đến hoạt động thông thương trên biển và ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ quản lý, bảo vệ an ninh, an toàn biển đảo. Do vậy đối với các BTL Vùng Cảnh sát biển cần phải được quan tâm đầu tư trang bị các loại phương tiện, khí tài kỹ thuật hiện đại, để đủ sức thực hiện nhiệm vụ như: trên sẽ bổ sung các phương tiện, nhất là các gam tàu có lượng giãn nước lớn, hiện đại, có thể hoạt động dài

ngày trên biển, có đủ điều kiện, khả năng hiệp đồng với các lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và duy trì thực thi pháp luật trong điều kiện thời tiết phức tạp, trên các vùng biển xa.

Ưu tiên hàng đầu khi đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ phải là các BTL Vùng Cảnh sát biển, bởi vì, đây là nơi thực hiện hầu hết nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát biển và cũng là nơi hầu hết vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của lực lượng Cảnh sát biển được phát hiện, ngăn chặn và xử lý.

Các đầu tư về cơ sở vật chất như: về trụ sở làm việc, về thiết bị thông tin - truyền thông: đảm bảo kết nối mạng nội bộ (WAN) tốc độ cao (cáp quang) từ cấp Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đến tất cả các cơ sở. Nâng cấp hệ thống máy tính đủ cấu hình để cài đặt tất cả các chương trình ứng dụng nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát biển.

Về phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, đầu tư thêm các phương tiện như ca nô, xuồng cao tốc, tàu tuần tra…để tuần tra, kiểm soát trên biển, sông, luồng lạch. Trang bị thêm các loại phương tiện, công cụ hỗ trợ phòng chống buôn lậu, nhất là phòng chống ma túy như thuốc thử ma túy, áo giáp, chó nghiệp vụ, ống nhòm, súng, bộ đàm… nhằm phát huy vai trò là đơn vị đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật trên biển.

Bên cạnh đó, tăng cường hệ thống chỉ huy, điều hành giám sát, các phương tiện phục vụ công tác trinh sát và phòng chống tội phạm ma túy, các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, được trang bị vũ khí sát thương và phi sát thương thương theo quy định quốc tế để phục vụ kịp thời, hiệu qủa cho công tác lãnh đạo, chỉ huy, tuần tra, kiểm soát và xử lý các tình huống.

Cùng với việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng (vị trí đóng quân của BTL Cảnh sát biển Việt Nam và của các BTL Vùng, các Cụm...), các điều kiện đảm bảo về vũ khí, trang bị phương tiện kỹ thuật cũng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển lực lượng Cảnh sát biển. Trước thực tiễn phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, Cảnh sát biển cần phải được trang bị các loại vũ khí, công cụ, phương tiện kỹ thuật hiện đại mới có thể đáp ứng tốt yêu cầu tuần tra, kiểm soát; tác chiến, xử lý những

tình huống đột xuất; hỗ trợ nghiệp vụ trinh sát, trấn áp các loại tội phạm trên biển và nhất là để làm chủ được tình hình mặt biển ở vùng trọng điểm đặc quyền kinh tế. Muốn vậy, lãnh đạo, chỉ huy BTL Cảnh sát biển Việt Nam, các BTL Vùng Cảnh sát biển, các Cụm lực lượng cần tranh thủ sự ủng hộ của cấp trên, chủ động tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Bộ quốc phòng trong việc đầu tư, mua sắm vũ khí trang thiết bị kỹ thuật nhằm từng bước hiện đại hóa lực lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.2.1.4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng chuyên trách trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn, duy trì thực thi pháp luật trên biển; phối hợp với các lực lượng chức năng khác của Nhà nước bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ phải thường xuyên đối mặt với những tình huống phức tạp trên biển, đặt ra cho lực lượng Cảnh sát biển trách nhiệm nặng nề. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo (nhất là trong đấu tranh trực diện trên thực địa) đòi hỏi mỗi cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển phải đề cao lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, kiên quyết, khôn khéo, linh hoạt, vững vàng trước những âm mưu, thủ đoạn xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Đồng thời, trong quá trình đấu tranh, phải quán triệt, chấp hành nghiêm chủ trương, quan điểm của Đảng, không để xảy ra xung đột, bất lợi. Trên cơ sở đó, kiên quyết giữ vững chủ quyền lãnh thổ và giải quyết đúng đắn, hài hòa các quan hệ quốc tế, nhất là quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng. Đó cũng là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh và cấp Ủy, Chỉ huy các cấp trong lực lượng Cảnh sát biển. Để nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể sau:

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển về vai trò của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy và cơ quan chính trị các cấp phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển nhận thức sâu sắc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) "Về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020", trọng tâm là phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh biển.

Cần thấy rằng, Biển Đông là vùng biển giàu tài nguyên thiên nhiên, nhưng cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn, tranh chấp chủ quyền biển, đảo phức tạp. Biển gắn bó với bao thế hệ người Việt, là không gian sinh tồn và phát triển của dân tộc ta, chỗ dựa sinh kế cho hàng triệu người dân Việt Nam từ xưa đến nay.

Trong vùng biển Việt Nam, mỗi hòn đảo không chỉ như những thỏi "vàng xanh", mà còn là một "cột mốc chủ quyền" tự nhiên của quốc gia. Vì thế, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta; trong đó, cảnh sát biển là lực lượng chuyên trách. Vì vậy, mỗi cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển phải hiểu rõ trách nhiệm chính trị khi chủ quyền quốc gia trên biển bị đe dọa và xâm phạm, để sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Mỗi cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển phải thực sự là những tuyên truyền viên trên biển cho ngư dân cùng thống nhất nhận thức về vai trò của biển, đảo, về chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta. Trên cơ sở đó, để nhân dân và các lực lượng hoạt động trên biển tích cực tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Hai là, quán triệt cho mọi cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển thấu suốt quan điểm của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; nắm vững Luật Biển Việt Nam và pháp luật quốc tế

Thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống các hành động xâm phạm chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc là hết sức phức tạp, nhạy cảm bởi nhiều yếu tố. Vì thế, để hoàn thành nhiệm vụ được giao, lực lượng Cảnh sát biển phải nắm chắc Luật Biển Việt Nam; nắm vững chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta; cơ sở pháp lý, lịch sử của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam; các quy định của luật pháp quốc tế về biển, nhất là Công ước Liên

hợp quốc về Luật Biển năm 1982; Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) đã ký kết giữa ASEAN với Trung Quốc,… Đồng thời, phải có kiến thức về tài nguyên và môi trường biển; về không gian biển, đảo của đất nước; về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với các vùng biển, đảo, v.v.

Trong tổ chức quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, các đơn vị phải làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển nhận thức rõ quan điểm của Đảng ta là kiên trì giải quyết các bất đồng, tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; kiên quyết phản đối sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết vấn đề.

Đồng thời, quán triệt cho cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển nhận thức rõ đối tượng, đối tác theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; về tình hình Biển Đông, tham vọng của nước ngoài đối với Biển Đông; về chủ trương, đối sách, phương châm, tư tưởng chỉ đạo của ta. Qua đó, xây dựng tinh thần cảnh giác, tỉnh táo, khôn khéo trong xử lý các tình huống; xây dựng bản lĩnh, ý chí, niềm tin cho cán bộ, chiến sỹ trong thực thi pháp luật trên biển cũng như đề cao ý chí, quyết tâm sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Từ đấy, làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển hiểu sâu sắc, vận dụng linh hoạt tư tưởng, phương châm chỉ đạo của cấp trên sát thực tiễn, sát đối tượng; nhanh nhạy về nhãn quan chính trị trong xử lý các tình huống trên biển. Cùng với đó, cấp ủy, chính ủy, chính trị viên và người chỉ huy các đơn vị phải giữ vững và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, trình độ tổ chức chỉ huy cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ trên thực địa.

Ba là, tích cực chuẩn bị mọi mặt, xây dựng các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; trong đó, phải dự báo được các tình huống có thể xảy ra để có biện pháp phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả

Tình hình Biển Đông đã và đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, lực lượng Cảnh sát biển cần phải tuân thủ những

vấn đề có tính nguyên tắc: chuẩn bị chu đáo, đầy đủ mọi mặt về lực lượng, phương tiện, ý chí, quyết tâm, sẵn sàng phương án đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, tránh để bị động, bất ngờ.

Việc sử dụng lực lượng, phương tiện trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo phải phù hợp và thuận tiện cho thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, phải tích cực nắm tình hình, triển khai lực lượng sớm tại hiện trường để chủ động đối phó kịp thời với các ́nh huống trên thực địa; thực hiện tốt chủ trương, chính sách, phương châm, đối sách của Đảng và Nhà nước ta trong hoạt động đối ngoại, quốc phòng, an ninh là kiên trì, kiên quyết, bình tĩnh, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, không để xảy ra xung đột, thu hẹp không gian đấu tranh.

Đặc biệt là, quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 806-NQ/QUTW, ngày 31-12-2013 của Thường vụ Quân ủy Trung ương về *Hội nhập Quốc tế và đối ngoại Quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo*. Bởi thế, mọi cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển trước hết là chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy các cấp phải thể hiện rõ sự kiên quyết, kiên trì trong đấu tranh, nhưng lại tỉnh táo và mềm dẻo, uyển chuyển về biện pháp; kết hợp các hình thức đấu tranh với phương châm phù hợp, đạt hiệu quả cao, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Bốn là, chỉ đạo, quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển; kiên quyết không để xảy ra sai sót, sơ hở gây bất lợi cho ta trong đấu tranh trên thực địa

Đây vừa là kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn, vừa là giải pháp trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Do đó, phải phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ trực tiếp chỉ huy tại thực địa để quản lý chặt mọi hoạt động của cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển thuộc quyền, không để xảy ra sai sót, sơ hở trong quá trình xử lý các tình huống, thực thi pháp luật trên biển. Muốn vậy, mọi hoạt động của cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển đều phải thực hiện nghiêm nguyên tắc có lệnh của người chỉ huy và người chỉ huy phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp mình và người chỉ huy cấp trên về quyết định của mình.

Đồng thời, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy và đội ngũ cán bộ các cấp phải nắm diễn biến tình hình, giải quyết bình tĩnh, đúng đắn và kịp thời định hướng tư tưởng và hành động cho cán bộ, chiến sỹ thuộc quyền (nhất là lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ trên thực địa).

Cán bộ các cấp tuyệt đối không được nôn nóng, thiếu bình tĩnh dẫn tới hành động bột phát không đúng tư tưởng và phương châm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, vô hình chung tạ,o cho đối phương có cớ hành động gây bất lợi cho ta. Mặt khác, trong quá trình thực hiện phải đề phòng và có biện pháp ngăn ngừa không để cán bộ, chiến sỹ nảy sinh tư tưởng thỏa mãn, chủ quan, thiếu khiêm tốn, góp phần tô thắm thêm hình ảnh "Bộ đội Việt Nam" – "Bộ đội Cụ Hồ" trong lòng nhân dân và bạn bè quốc tế.

Năm là, cung cấp thông tin trên thực địa thường xuyên, kịp thời và chân thực cho các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước phục vụ hiệu quả cho công tác đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao của ta

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên thực địa bằng các biện pháp linh hoạt, kết hợp với tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng có ý nghĩa quan trọng. Khi cung cấp thông tin phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, kịp thời với tinh thần xây dựng vì lợi ích quốc gia, dân tộc để tạo nên môi trường thuận lợi, góp phần giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp một cách hòa bình. Nếu điều kiện cho phép, có thể đưa phóng viên trong và ngoài nước ra thực địa để họ trực tiếp chứng kiến sự việc, tuyên truyền khách quan trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đối với báo chí trong nước cần có định hướng, không nên dùng những lời lẽ kích động gây hận thù dân tộc làm cho tình hình thêm phức tạp, căng thẳng, hoặc gây áp lực cho lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình xem xét đưa ra quyết định giải quyết các vấn đề tranh chấp.

Trên cơ sở cung cấp thông tin trung thực, khách quan, làm cho nhân dân ta và bạn bè thế giới hiểu đúng tình hình đang diễn ra, tạo dư luận đồng tình, ủng hộ của nhân dân và bạn bè quốc tế đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa bảo vệ chủ quyền biển, đảo của ta. Cùng với đó, kiên quyết đấu tranh phản bác những luận

điệu sai trái lợi dụng lòng yêu nước để kích động chống Đảng, chế độ, phục vụ mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch.

Sáu là, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển, từ đó cần tích cực hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân

Khi người dân hiểu đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về chiến lược phát triển biển Việt Nam thì hoạt động chấp pháp của lực lượng Cảnh sát biển sẽ thuận lợi hơn. Chính vì thế Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2010 *đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam.* Vì vậy cần tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành về công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo; phổ biến, cập nhật những văn bản chuyên ngành trong nước về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường biển, hải đảo cho cán bộ, công chức, đơn vị vũ trang thực thi nhiệm vụ trên khu vực biển, hải đảo; tìm hiểu, phân tích và phổ biến về những khác biệt của hệ thống pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động trên biển của Việt Nam so với pháp luật một số nước trong khu vực; nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo; tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển (nhất là đối với công chức tư pháp cấp xã, phường, thị trấn vùng ven biển, hải đảo); nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo...

Bảy là, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển

Có thể nói, hoạt động thực thi pháp luật trên biển nói chung và hoạt động đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc của lực lượng cảnh sát biển và các lực lượng rất phức tạp, căng thẳng. Vì thế việc áp dụng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển có ý nghĩa rất to lớn, nếu chính sách không phù hợp, không đồng bộ dễ dẫn đến nhiều tiêu cực, thiếu động lực để cán bộ,

chiến sỹ cảnh sát biển hăng hái làm việc, tạo tâm lý không ổn định, làm việc cầm chừng, muốn chuyển đi nơi khác có chế độ tốt hơn. Đó là chưa nói đến những trường hợp chế độ không đáp ứng đủ nhu cầu của cuộc sống, dễ làm cho cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển sa ngã, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước và công dân, làm mất uy tín của Đảng và chính quyền. Vì vậy, hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển hiện nay là cấp thiết, vừa góp phần khắc phục lối sống thực dụng, vừa động viên sự nhiệt tình hăng hái, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển, đồng thời cũng là thực hiện công bằng xã hội.

Vì vậy, phải thường xuyên quan tâm đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển (nhất là lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ trên thực địa) đảm bảo để anh em có đủ sức khỏe và tinh thần hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực tiễn vừa qua cho thấy, trong quá trình hoạt động đã xuất hiện rất nhiều tấm gương anh dũng, quả cảm của cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển. Những tấm gương đó đã kịp thời được biểu dương, khen thưởng, nhờ đó tạo được động lực lớn đối với các lực lượng trong các hoạt động đấu tranh ngăn chặn các hành động xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Trong thời gian tới, công tác này cần được chú trọng hơn nữa gắn với thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội để cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển yên tâm khi làm nhiệm vụ.

Tám là, tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của đội ngũ cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển

Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của đội ngũ công chức cán bộ, chiến sỹ cảnh sát biển là vấn đề quan trọng, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: "*Khi có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điểm ấy sơ sài , thì chính sách đúng mấy cũng vô ích*" [13, tr.520]. Vì vậy, cần phải tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát và phải không ngừng đổi mới cách thức, nội dung quản lý, kiểm tra, giám sát để xây dựng một đội ngũ có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, lấy đó làm gương răn đe; đồng thời cũng phải đảm bảo việc xử lý nhanh nhất, hiệu quả nhất. Nếu có vi phạm nghiêm

trọng thì công chức đó có thể bị đình chỉ công việc ngay. Điều này sẽ tạo thêm hiệu lực cho việc chấp hành kỷ cương, pháp luật.

Chín là, đẩy mạnh phối hợp hoạt động với các cơ quan, lực lượng bảo đảm an ninh biển trong nước và tăng cường hợp tác quốc tế

Hoạt động này nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp cả về lực lượng, thế trận và tính pháp lý trong thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo đảm an ninh biển. Để nâng cao hiệu quả hợp tác, phải đổi mới nội dung và đa dạng, linh hoạt về hình thức, biện pháp; kết hợp chặt chẽ giữa kế thừa những kinh nghiệm còn phù hợp với phát triển các hình thức, biện pháp hợp tác mới, như: tăng cường mở rộng các mối quan hệ mới; tích cực hợp tác quốc tế theo ngành; thiết lập đường dây nóng…Phạm vi hoạt động hợp tác, phối hợp không chỉ bó hẹp khi có vụ việc xảy ra mà cần mở rộng phối hợp cả trong trao đổi học tập kinh nghiệm, hỗ trợ nâng cao năng lực và giao lưu, gặp gỡ, hội thảo...

Trong quá trình hợp tác, phải luôn giữ vững tư tưởng chỉ đạo, phương châm, nguyên tắc, yêu cầu về hợp tác của Chính phủ và Bộ Quốc phòng; không ngừng nâng cao khả năng dự báo những tình huống chiến lược, chiến thuật từ đó đưa ra những chủ trương, đối sách và biện pháp phù hợp. Nhiệm vụ phối hợp hiệp đồng và hợp tác quốc tế không chỉ nhằm tăng cường năng lực, sức mạnh thực thi pháp luật trên biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của lực lượng cảnh sát biển mà còn góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong tình hình hiện nay.

3.2.2. Nhóm giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của Bộ tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật mang tính ổn định, đồng bộ, tăng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tịch thu tang vật của Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, tăng thẩm quyền điều tra, khởi tố một số tội danh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của lực lượng CSB cũng như các Vùng CSB.

Thứ hai, về con người: Cần chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ, chiến sỹ; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần chiến đấu, năng lực bản lĩnh chính trị vững vàng trong thực hiện nhiệm vụ. Chính vì vậy cần thành lập trường

đào tạo chuyên ngành, chuyên sâu cho LL Cảnh sát biển để đào tạo đội ngũ cán bộ, chiến sỹ đáp ứng được những yêu cầu trên.

Thứ ba, cần đầu tư một cách bài bản, hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ, trang bị phương tiện tàu thuyền cho lực lượng Cảnh sát biển (các loại tàu thuyền có lượng giãn nước lớn, khả năng hoạt động trên biển dài ngày, khả năng vươn khơi xa trong mọi điều kiện thời tiết).

Thứ tư, xây dựng, bố trí vị trí đóng quân cho các đơn vị trực thuộc (Hải đoàn, Hải đội) một cách phù hợp, bố trí xây dựng Quân Cảng CSB hiện đại, tại những khu vực nước sâu, tính cơ động cao sẵn sàng hoạt động trong mọi tình huống, ở mọi thời điểm.

Thứ năm, tổ chức hoạt động tuần tra, kiểm soát, duy trì thực thi pháp luật trên các vùng biển được giao phụ trách một cách thường xuyên, liên tục.

Thứ sáu, công tác phối hợp với các lực lượng khác như Hải quân, Biên phòng, Hải quan, Kiểm ngư, Công an… phải thật gắn kết, thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ một cách có hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thứ bảy, hợp tác quốc tế sâu rộng cũng cần được chú trọng nhằm trao đổi học tập kinh nghiệm, hỗ trợ nâng cao năng lực, phối hợp trong những nhiệm vụ cụ thể.

Thứ tám, việc cấp kinh phí cho hoạt động của Vùng CSB cần được quan tâm hơn, thường xuyên chăm lo tới đời sống của cán bộ, chiến sỹ trong toàn lực lượng CSB nói chung và BTL Vùng Cảnh 1 sát biển nói riêng.

Những giải pháp trên sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng tổ chức, con người vững mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp của Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới.

Kết luận chương 3

Từ thực tiễn tổ chức và hoạ t động của lực lượng CSB Việt Nam, luận văn đã chỉ ra 3 yếu tố cơ bản dẫn đến cần phải nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam nói chung cũng như BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng. Đó là yếu tố giữ vững an ninh, chính trị và chủ quyền

quốc gia trên biển; nhu cầu phát triển kinh tế biển; nhu cầu phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trên biển.

Từ những yếu tố trên, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng CSB Việt Nam nói chung và BTL Vùng Cảnh sát biển 1 nói riêng: Hoàn thiện tổ chức bộ máy và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển; Hoàn thiện các quy định pháp lý về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát biển và các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

KẾT LUẬN

Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 1 là một đề tài phức tạp. Trong phạm vi luận văn thạc sỹ Luật học, đề tài đã giải quyết những vấn đề sau:

Đưa ra khái niệm khoa học về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Trên cơ sở phân tích khái niệm, đặc điểm tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển, luận văn đã xác định vai trò tổ chức, hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Khi phân tích tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam phải xem xét các yếu tố tác động đến Cảnh sát Biển. Trong phạm vi luận văn, tập chung nghiên cứu các yếu tố: Thể chế, chính trị, kinh tế và con người.

Luận văn đã nêu được kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển một số quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển. Trước những diễn biến phức tạp và nhạy cảm như Biển Đông, thiết nghĩ Cảnh sát biển Việt Nam vẫn phải trực thuộc Bộ Quốc Phòng. Tuy nhiên dưới góc độ hoạt động Cảnh sát biển Việt Nam nên chú trọng đến nhiệm vụ quản lý an ninh, trật tự, an toàn hàng hải và duy trì thực thi pháp luật tên biển.

Luận văn đã khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - an ninh quốc phòng của BTL Vùng Cảnh sát biển 1. Đây là địa bàn để BTL Vùng Cảnh sát biển 1 hoạt động, chính vì thế những yếu tố đó đều có những ảnh hưởng nhất định đến tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1.

Luận văn đã khái quát chung về tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1, trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá về ưu điểm và nhược điểm trong tổ chức và hoạt động. Về mặt tổ chức, BTl Vùng Cảnh sát biển 1 từng bước phát triển theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; Về mặt hoạt động, trong suốt thời gian qua, với tư cách là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam, lực lượng

Cảnh sát biển đã chủ trì thực hiện, thường xuyên phối hợp với các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh những ưu điểm còn những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 về chất lượng nguồn nhân lực, quan hệ phối hợp với các cơ quan hữu quan, trang thiết bị kỹ thuật…Những hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Luận văn đã chỉ ra 3 yếu tố dẫn đến phải nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam từ thực tiễn BTL Vùng Cảnh sát biển 1. Đó là yếu tố giữ vững an ninh, chính trị và chủ quyền quốc gia trên biển, yếu tố phát triển kinh tế biển, yếu tố phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trên biển.

Từ những yêu cầu trên, luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của BTL Vùng Cảnh sát biển 1: Hoàn thiện tổ chức bộ máy và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển; Hoàn thiện các quy định pháp lý về tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát biển và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Những giải pháp đưa ra trong luận văn vừa có tính trước mắt, vừa có tính lâu dài. Các giải pháp này được thực hiện sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện đề tài còn tồn tại, hạn chế nhất định. Vì vậy, tác giả mong nhận được nhiều đóng góp của các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng, Cục Cảnh sát biển (2013), *Quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của cơ quan, đơn vị trong Cục Cảnh sát biển* ban hành kèm theo Quyết định số 1361/QĐ-CSB-PL ngày 29/5/2013 của Cục trưởng Cục Cảnh sát biển.
2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (2014), *Báo cáo công tác pháp luật năm 2014 của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (từ 16/11/2013 – 15/11/2014).*
3. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (2015), *Báo cáo công tác pháp luật năm 2015 của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (từ 16/11/2014 – 15/11/2015).*
4. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (2014), Báo cáo công tác pháp luật 6 tháng năm 2016 của BTL Vùng Cảnh sát biển 1 (từ 16/11/2013 – 15/5/2016).
5. Nguyễn Quốc Chí, Khoa học tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Thống kê, Hà Nội, 199914.
6. Công ước quốc tế về luật biển năm 1982, có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 16/11/1994.
7. Cục Cảnh sát biển, Vùng Cảnh sát biển 1 (2012), Báo cáo công tác pháp luật năm 2012 của Vùng Cảnh sát biển 1 (từ 16/11/2011 – 15/11/2012).
8. Cục Cảnh sát biển, Vùng Cảnh sát biển 1 (2013), Báo cáo công tác pháp luật năm 2013 của Vùng Cảnh sát biển 1 (từ 16/11/2012 – 15/11/2013).
9. Đại từ điển Tiếng Việt (1998), nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2006), Nghị quyết trung ương 4 khóa X ngày 21/8/2006 về chiếm lược biển Việt Nam đến năm 2020.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đảng XI", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2007), Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương khoa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2006), Nghị quyết trung ương 4 khóa X ngày 21/8/2006 về chiếm lược biển Việt Nam đến năm 2020.
14. Giáo trình Luật hành chính Việt Nam [Nhà xuất bản chính trị quốc gia - sự thật năm 2013].
15. Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật [Nhà xuất bản chính trị quốc gia - sự thật năm 2013].
16. TS. Tạ Ngọc Hải, Khái niệm, phân loại và các đặc trưng cơ bản của tổ chức từ giác độ khoa học tổ chức nhà nước, hthp/www.isos.gov.vn/Thongtinchitiet/tabid/84/ArticleId/779/language/vi-VN/Khai-ni-m-phan-lo-i-va-cac-d-c-tr-ng-c-b-n-c-a-t-ch-c-t-giac-d-khoa-h-c-t-ch-c-nha-n-c.aspx.
17. Hà Trung Long - He Zhonglong cùng các cộng sự, *Nghiên cứu về việc Phát triển Cảnh sát Biển của Trung Quốc.*
18. Lyle J. Goldstein, Trường Cao đẳng Hải chiến Hoa Kỳ, Hiếu Minh, Ngọc Trang, Hà Tuyên (dịch) Đỗ Thị Thủy (hiệu đính), *Five Dragons Stirring Up the Sea - Challenge a15nd Opportunity in China's Improving Marritime Enforcement Capabilities,* Tạp chí Nghiên cứu biển Trung Quốc, số 5, tháng 4/2010, Trường Cao đẳng Hải chiến, Newport, Rhode Island, Hoa Kỳ.
19. Nghị định 66/2010/ NĐ-CP ngày 14/06/2010 Ban hành quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động của Lực lượng Cảnh sát biển và việc phối hợp hoạt động giữa các lực lượng trên các vùng biển và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam.

20. Nghị định 86/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.
21. Nghị định 96/2013/NĐ-CP ngày 27/8/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.
22. Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 03/2008/PL-UBTVQH12 ngày 26/01/2008.
23. Quy định về bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản trong Vùng đánh cá chung, được ký kết giữ Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 5 năm 2004.
24. TS. Nguyễn Hồng Thao - Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) ,"Luật các vùng biển Việt Nam: Công cụ thực hiện chính sách biển trong tình hình mới".*Postedon14/07/2009byCivillawinfor,trích dẫnthttp://www.isponre.gov.vn/home/doen-dan/331- luat cac vung bien viet nam-cong cu thuc hien chinh sach trong tinh hinh moi.*
25. Từ điển Luật học, Nxb Từ điển bách khoa – Nxb Tư pháp.
26. Từ điển Pháp - Việt (1992), *Pháp luật - Hành chính*, nhà xuất bản Thế giới.
27. Từ điển Tiếng Việt (2010), Nhà xuất bản Từ điển bách khoa.
28. Nguyễn Như Ý, (1998) *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
29. http://vi.wikipedia.org/wiki/Cảnh_sát_biển_Hàn_Quốc.
30. http://vi.wikipedia.org/wiki/Cảnh_sát_Biển_Nhật_Bản.
31. http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/4211-csis-4-cac-luc-luong-tren-bien-cua-viet-nam.
32. http://m.tin247.com/vung_canh_sat_bien_1_cuu_song_3_ngu_dan-1-22594924.htmlj.

33. http://canhsatbien.vn.
34. http://tapchiqptd.vn/zh/an-pham-tap-chi-in/canh-sat-bien-viet-nam-voi-nhiem-vu-quan-ly-duy-tri-thuc-thi-phap-luat-tren-bien/2618.html.
35. http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Viet-nam-tren-duong-doi-moi/2015/34881/Luc-luong-canh-sat-bien-xay-dung-ban-linh-chinh-tri-dap.aspx.
36. http://canhsatbien.vn/wps/portal/!ut/p/b1/04_Sj9CPykssy0xPLMnMz0vMAfGjzOLdHP2CLJwMHQ0MvA3NDDzDzEKcg4K8jB2DDIEKIoEKDHAARwNC-sP1o8BK_C0t_N1C3UKDHf2MTIFKnCxcQ0KNDCxMjKAK8Fjh55Gfm6pfkBthkGXiqAgAAPY6bg!!/dl4/d5/L2dBISEvZ0FBIS9nQSEh/